CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP FIRST TRUST

Your Trust – Our Success

FTS ERP

www.fts.com.vn

MỤC LỤC

Contents

TỔNG QUAN VỀ PHẦN MỀM FTS ERP 4
TÍNH NĂNG NỔI TRỘI CỦA FTS ERP....4
CÁC MODULE KẾ TOÁN TÀI CHÍNH.... 11
QUẢN LÝ VỐN BẰNG TIỀN.... 11
QUẢN LÝ CÔNG NỢ PHẢI THU 12
QUẢN LÝ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ.... 13
QUẢN LÝ HỢP ĐỒNG VAY, CHO VAY.... 14
KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH 15
QUẢN LÝ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG.... 16
KẾ TOÁN TỔNG HỢP.... 18
CÁC MODULE MỞ RỘNG.... 20
QUẢN LÝ HÀNG HÓA BẰNG HỆ THỐNG MÃ VẠCH 20
QUẢN LÝ BÁN HÀNG 21
QUẢN LÝ MUA HÀNG 22
QUẢN LÝ KHO.... 24
QUẢN LÝ SẢN XUẤT.... 26
QUẢN LÝ HÓA ĐƠN, ẤN CHỈ.... 27
QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN.... 28
HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ QUẢN TRỊ.... 29
PHÂN HỆ PHÂN BỔ CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH 31
Tập hợp và phân bổ chi phí.... 31
1. Các phương pháp phân bổ chi phí sản xuất chung nổi bật.... 31
a. Phương pháp phân bổ theo tài khoản: 31
b. Phương pháp phân bổ theo tỷ lệ: 32
c. Phương pháp phân bổ theo hệ số sản phẩm.... 32
d. Các cách phân bổ khác 33
Tính giá trị dở dang cuối kỳ 33
a. Phương pháp tính giá trị dở dang cuối kỳ theo nguyên vật chính.... 33
b. Phương pháp tính giá trị dở dang cuối kỳ theo sản lượng sản phẩm hoàn thành tương đương:.... 34
Các phương pháp tính giá thành.... 36
a. Phương pháp tính giá thành giản đơn (phương pháp trực tiếp):.... 36
b. Phương pháp tính giá thành theo hệ số: 36
c. Phương pháp tính giá thành có nhiều giai đoạn.... 38
d. Phương pháp tính giá thành theo định mức.... 39

CÁC TÍNH NĂNG QUẢN TRỊ 41
Quản trị về công nợ 41
Quản trị về chi phí và các báo cáo quản trị 42
Quản trị chi phí theo kế hoạch 42
Phân bổ các chi phí quản lý chung, chi phí bán hàng 43
Các báo cáo quản trị 44
Tính năng cho phép khai báo các chỉ tiêu số liệu quản trị đa chiều: 44
Các chỉ tiêu tài chính 45
PHÂN HỆ QUẢN LÝ NHÂN SỰ TIỀN LƯƠNG 47
QUẢN LÝ TUYỂN DỤNG 47
QUẢN LÝ HỒ SƠ NHÂN SỰ 48
QUẢN LÝ CHẤM CÔNG 50
QUẢN LÝ TIỀN LƯƠNG 51
QUẢN LÝ BẢO HIỂM 53
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO 55
QUẢN LÝ ĐÁNH GIÁ 56
QUẢN LÝ TÀI SẢN 58
CỔNG THÔNG TIN NHÂN VIÊN 59
DỊCH VỤ HỖ TRỢ KHÁCH HÀNG 61
THÔNG TIN LIÊN HỆ 62

TỔNG QUAN VỀ PHẦN MỀM FTS ERP

FTS ERP là hệ thống phần mềm chuyên nghiệp quản trị doanh nghiệp quy mô vừa và lớn, các công ty mô hình đơn vị đa cấp, công ty mẹ con trong mọi ngành nghề Sản xuất – Kinh doanh – Thương mại Dịch vụ.

FTS ERP được xây dựng theo từng phân hệ (module) thành một thể thống nhất có tính liên kết, kế thừa dữ liệu nhưng cũng có thể hoạt động độc lập. Trong mỗi phân hệ lớn sẽ bao gồm nhiều công đoạn và chức năng nhỏ khác nhằm mục đích trợ giúp và quản lý hệ thống quy trình hạch toán và quản trị doanh nghiệp trên phần mềm.

TÍNH NĂNG NỔI TRỘI CỦA FTS ERP

1. Ứng dụng cho mô hình đa cấp

Giải pháp quản trị tổng thể doanh nghiệp FTS ERP hướng tới mô hình các doanh nghiệp với nhiều công ty con, chi nhánh trên các vị trí địa lý khác nhau.

Mô hình quản trị tập trung

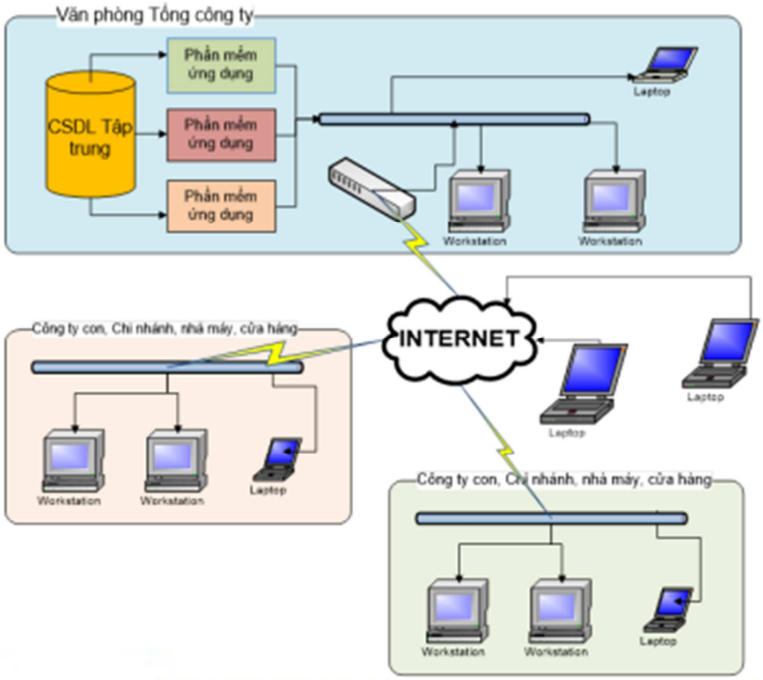

Hệ thống được xây dựng theo mô hình tập trung:

- CSDL được thiết lập tập trung tại trụ sở chính của Công ty mẹ tại Hà Nội từng điểm triển khai.
- Người sử dụng các đơn vị kết nối sử dụng phần mềm thông qua hệ thống mạng riêng hoặc kết nối Internet.
- CSDL được phân cấp theo từng cấp bậc trong mô hình tổ chức quản lý, đảm bảo việc xử lý và khai thác dữ liệu vừa đáp ứng yêu cầu về tính độc lập trong xử lý khai thác số liệu của từng đơn vị, vừa đáp ứng yêu cầu quản lý và khai thác thông tin tập trung trong toàn Công ty mẹ.

Giải pháp tập trung của FTS được xây dựng như sau:

- Dữ liệu tập trung trong cùng 1 CSDL
- Nền tảng phân cấp dựa vào danh mục các đơn vị theo cấu trúc phân cấp có số lượng cấp không giới hạn.

- Dữ liệu được tổ chức theo từng đơn vị, dựa vào phân cấp đơn vị để xác định quyền khai thác, cập nhật dữ liệu. Người sử dụng ở mỗi cấp đơn vị chỉ có quyền cật nhật dữ liệu của đơn vị mình, và chỉ có thể xem, khai thác thông tin báo cáo đối với các đơn vị cấp dưới.

Dữ liệu toàn doanh nghiệp được triển khai tập trung tại một điểm giúp cho việc xử lý, khai thác được nhanh chóng và kịp thời.

- Cung cấp thông tin mọi lúc, mọi nơi.
- Quản trị đầy đủ dòng thông luân chuyển thông tin giữa các bộ phận chức năng, giữa các đơn vị trong doanh nghiệp.
- Hợp nhất báo cáo tài chính và báo cáo quản trị dễ dàng và nhanh chóng.
- Giảm thiểu chi phí xây dựng hạ tầng CNTT và chi phí vận hành, nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT.

Mô hình quản trị tập trung kết hợp phân tán

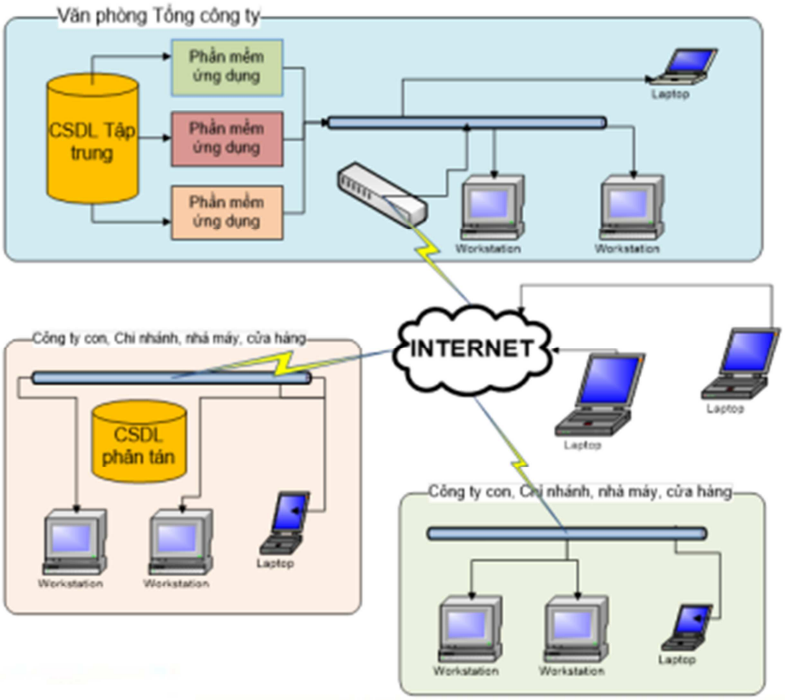

Dữ liệu được đồng bộ từ các đơn vị cấp dưới lên các đơn vị cấp trên, đảm bảo tại mỗi đơn vị cấp trên, có dữ liệu của toàn bộ các đơn vị cấp dưới. Đối với mỗi đơn vị cấp dưới, hệ thống dữ liệu và ứng dụng của đơn vị mình hoạt động một cách độc lập trong phạm vi đơn vị mình, không bị phụ thuộc vào các yếu tố và thành phần bên ngoài trong mô hình tổng thể. Đồng bộ thông tin giữa các đơn vị phân cấp được thực hiện một cách tức thời, đảm bảo tính xuyên suốt của hệ thống ứng dụng.

- Đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa và xây dựng một hệ thống ứng dụng thống nhất.
- Cung cấp thông tin cho việc thống kê và quản trị một cách tức thời tại mỗi đơn vị và tại các đơn vị cấp trên trong mô hình phân cấp.
- Đảm bảo sự hoạt động độc lập của từng đơn vị, không phụ thuộc vào các cấu thành khác trong toàn bộ hệ thống như hạ tầng truyền thông, …
- Chi phí xây dựng hạ tầng CNTT vừa phải, phù hợp với sự đầu tư của hầu hết các DN tại Việt Nam. Không cần xây dựng các Data Center, cũng như không cần có sự kết nối leased line giữa các đơn vị, chỉ thông qua kết nối Internet ADSL thông thường.

2. Giao diện thân thiện và dễ sử dụng

Các chức năng cập nhật chứng từ của FTS hỗ trợ nhiều tiện ích cho người sử dụng:

- Thao tác nhanh chóng bằng bàn phím, hỗ trợ đầy đủ các phím tắt.
- Kiểm soát dữ liệu đầu vào, cảnh báo các thông tin cần cập nhật.
- Định dạng thông tin cần cập nhật theo nguyên tắc định sẵn.

Các chức năng tìm kiếm, tra cứu hỗ trợ các tiện ích:

- Tìm kiếm, lọc theo tất cả các trường thông tin có sẵn.
- Điều kiện lọc đa dạng, từ đơn giản đến phức tạp theo nhiều tiêu chí.
- Hỗ trợ sắp xếp, nhóm thông tin.
- Hỗ trợ kết xuất thông tin ra các định dạng khác.
- Có khả năng tìm kiếm bằng tiếng Việt

3. Hệ thống đa tài khoản và đa ngôn ngữ

FTS ERP đặc biệt phù hợp với các doanh nghiệp FDI ở Việt Nam, với khả năng đa tiền tệ (có thể kết xuất tất cả các sổ sách, báo cáo tài chính và quản trị bằng VND và một đơn vị tiền tệ khác). Bên cạnh đó FTS ERP hỗ trợ giao diện nhiều ngôn ngữ như: tiếng Việt, tiếng Hàn, Tiếng Nhật, Tiếng Lào, Tiếng Anh…

4. Tính ổn định

FTS ERP được phát triển trên nền công nghệ tiên tiến Phần mềm được thiết kế mô hình 3 lớp áp dụng công nghệ ".NET Framework", ngôn ngữ lập trình C# kết hợp với cơ sở dữ liệu SQL Server 2008/2012 cho phép làm việc với khối lượng dữ liệu lớn và hoạt động tốt trên mạng diện rộng *(WAN),* nhập, truy xuất dữ liệu tức thời từ nhiều điểm *(realtime)*. Tối ưu truy xuất dữ liệu bằng kỹ thuật phân trang *(paging)* khi tải. Chạy nhiều tính năng một thời điểm *(background, multi-threads).* Báo cáo tạo *(generate)* tự động từ DataGrid *(giống MS Excel)*, hỗ trợ tạo cây, nhóm, tính tổng…bởi các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm, sản phẩm được thử nghiệm kỹ càng, hạn chế được tối đa các lỗi khi sử dụng.

5. Khả năng làm việc từ xa

FTS ERP cho phép người dùng làm việc từ xa, làm việc qua internet kết nối dữ liệu đến máy chủ trung tâm. Có thể nhập số liệu, xem sổ sách báo cáo, theo dõi các thông tin quản trị từ nhà, trong khi đi công tác, ở bất kỳ nơi nào và lúc nào mà máy tính của bạn có kết nối Internet. FTS ERP hỗ trợ 2 chế độ làm việc từ xa là online (cho phép làm việc trực tiếp thông qua kết nối internet) và offline (có thể làm việc trên máy client khi cần sẽ đồng bộ dữ liệu với máy chủ trung tâm).

6. Khả năng kết xuất dữ liệu

FTS ERP cho phép xuất thông tin ra các tệp dưới định dạng Excel, Word, HTML, PDF,… và import các danh mục theo tập Excel dễ dàng và chuẩn mực.

7. Báo cáo phần mềm

Hệ thống báo cáo đa dạng cho phép doanh nghiệp khai thác thông tin tối đa, phù hợp theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Người sử dụng có thể tự thiết kế báo cáo, căn chỉnh thông tin, cột hỗ trợ, chỉ tiêu hiển thị. Tự ý thay đổi độ rộng dài các cột, vị trí các cột, thay đổi mẫu báo cáo, tên báo cáo, thông tin người ký…

Báo cáo theo từng kỳ số liệu tháng, quý, năm…

Truy vết dữ liệu ngược: Cho phép truy ngược báo cáo từ Báo cáo tổng hợp → Báo cáo chi tiết → Chứng từ phát sinh.

8. Cơ sở dữ liệu.

Cơ sở dữ liệu sử dụng Microsoft SQL Server hoặc Oracle là một hệ cơ sở dữ liệu khách/chủ (Client/server):

- Xử lý trên máy chủ, đảm bảo tính ổn định, an toàn.
- Có khả năng đáp ứng khối lượng dữ liệu lớn (hàng triệu bản ghi), nhiều giao dịch cùng lúc.
- MS SQL Server hỗ trợ cơ chế mã hóa đến từng bản ghi dữ liệu.
- MS SQL Server hỗ trợ phân quyền theo từng đối tượng (bảng), từng trường thông tin.
- Dễ triển khai và quản trị. Khả năng nâng cấp dễ dàng.

9. Hệ điều hành máy chủ và máy trạm.

Sử dụng các hệ điều hành thông dụng hiện nay gồm:

- Microsoft Windows 2008/2012 Server cho máy chủ.
- Windows 7/Windows 8 cho máy trạm.

Đặc điểm:

- Hệ điều hành mới.
- Tính ổn định cao.
- Hỗ trợ font chữ tiêu chuẩn Việt Nam TCVN-1609-2001 Unicode.

10. Nền tảng công nghệ.

Ứng dụng được viết bằng ngôn ngữ C#, trên nền tảng công nghệ Microsoft .NET Framework:

- Công nghệ mới.
- Hỗ trợ khả năng tích hợp cao giữa các ứng dụng mà các công nghệ trước đây khó có khả năng thực hiện.
- Tích hợp Web, Internet.

11. Giao diện và font chữ.

Giao diện thân thiện theo chuẩn Windows.

Font chữ tuân thủ chuẩn mực mới nhất của Việt Nam là TCVN-1609-2001 theo chuẩn Unicode.

12. Giải pháp sao lưu dữ liệu

Dữ liệu tại máy chủ công ty lưu trữ một lượng dữ liệu lớn và rất quan trọng. Dữ liệu có tính trực tuyến cao, liên tục thay đổi theo từng giờ.

Sử dụng CSDL MS SQL, Oracle, FTS cung cấp giải pháp sao lưu dữ liệu đa dạng dựa vào các tính năng sẵn có của hệ thống CSDL Oracle/MS SQL Server bao gồm:

- Sao lưu trực tuyến hàng ngày toàn bộ CSDL
- Sao lưu ngoại tuyến định kỳ theo tuần/tháng hay theo các kỳ báo cáo.

Khi có sự cố về CSDL hay máy chủ, dữ liệu có thể dễ dàng được khôi phục lại.

13. Máy chủ dự phòng.

Trong trường hợp máy chủ tại đơn vị bị sự cố do một lý do bất khả kháng (hỏng thiết bị, hay sự cố bất thường…) không có thể tiếp tục hoạt động ngay được, cần có một quy trình phục hồi hoạt động của đơn vị này. Chúng tôi đề xuất quy trình phục hồi hoạt động như sau:

Nguyên tắc chung: Dùng máy chủ dự phòng tại công ty.

- Bước 1: Cài sẵn máy chủ dự phòng cho công ty . Các thành phần được cài đặt trước như sau:
    - Cấu hình thiết bị phần cứng (theo đúng thông số đã định trước).
    - Cài đặt hệ điều hành (theo đúng thông số đã định trước).
    - Cài đặt hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL server (theo đúng thông số đã định trước).
    - Cài đặt hệ thống “Phần mềm kế toán” (theo đúng thông số đã định trước).
- Bước 2: Tiến hành phục hồi CSDL đến thời điểm bị sự cố từ các thiết bị lưu trữ dữ liệu của công ty.
- Bước 3: Đưa máy chủ tại đơn vị vào hoạt động.
- Bước 4: Tiến hành khắc phục máy chủ đã gặp sự cố của công ty.

- Bước 5: Sau khi khắc phục xong máy chủ gặp sự cố, tiến hành thay thế máy chủ dự phòng.
- Bước 6:Tiếp tục thực hiện lưu dự phòng với máy chủ dự phòng.

14. Giải pháp bảo mật.

Phân tích yêu cầu an toàn và bảo mật hệ thống.

Vấn đề an toàn và bảo mật là một trong những yêu cầu quan trọng trong bất cứ một hệ thống phần mềm nào do đó giải pháp của FTS cũng coi yêu cầu an toàn và bảo mật của hệ thống là yêu cầu quan trọng và không thể thiếu khi xây dựng hệ thống này.

Các tài nguyên cần bảo vệ:

- Hệ thống phần cứng.
- Hệ thống mạng.
- Hệ thống phần mềm ứng dụng.
- Hệ thống cơ sở dữ liệu.
- Người sử dụng.

Các mối đe dọa tấn công các hệ thống tài nguyên:

- Do virus.
- Do hacker phá máy chủ.
- Do thiết bị mạng và thiết bị phần cứng bị hỏng, lỗi.
- Do quá trình sử dụng, vận hành hệ thống phần mềm không đúng, nhầm lẫn trong quá trình xử lý.
- Dữ liệu bị thay đổi sai lệch do người sử dụng không đúng chức năng hay bị người lạ sử dụng .
- v.v…

Nguyên tắc xây dựng hệ thống bảo mật an toàn dữ liệu.

Với tất cả các mối đe doạ có thể xảy ra đối cho nên việc xây dựng hệ thống phải dựa trên một số các nguyên tắc:

- Đảm bảo sự bí mật thông tin: Hệ thống bảo mật phải đảm bảo thông tin trong hệ thống không được phổ biến khi không được phép.
- Đảm bảo sự thống nhất, toàn vẹn của thông tin: Tránh việc sửa đổi trái phép thông tin.
- Đảm bảo khả năng hiệu lực: Có thể khởi động khi hệ thống cần.
- Khả năng xác nhận tính hợp lệ của người sử dụng, của hệ thống.
- Có khả năng kiểm soát truy nhập: Đảm bảo chỉ những người được phép mới có quyền truy nhập thông tin.

Giải pháp xây dựng hệ thống bảo mật an toàn dữ liệu.

Hệ thống bảo mật và an toàn dữ liệu của Công ty FTS sẽ được xây dựng trên cơ sở các giải pháp:

- Giải pháp chống truy nhập bất hợp pháp. Giải pháp chống truy nhập bất hợp pháp của Công ty FTS được xây dựng dựa trên cơ sở sau:
    - Định danh thiết bị truy cập: Mỗi thiết bị truy cập được định danh dựa vào thông số phần cứng của thiết bị. Hệ thống chỉ cấp quyền truy cập khi xác định đúng định danh phần cứng của thiết bị. Như vậy dù có phần mềm client, user name và password thì cũng không thể truy cập nếu sử dụng các thiết bị đầu cuối không được phép.
    - Định danh người sử dụng của hệ thống. Mỗi người sử dụng của hệ thống đều được cấp tên và mật khẩu truy cập vào hệ thống. Mỗi khi truy cập vào hệ thống người sử dụng sẽ phải gõ tên và mật khẩu.

    - Theo dõi nhật ký truy cập hệ thống theo thời gian thực, chi tiết người sử dụng, vị trí, thời gian và các thao tác thực hiện trong hệ thống.
- Giải pháp bảo mật phần mềm ứng dụng.
    - Giải pháp này ngăn chặn việc thay đổi phần mềm ứng dụng do các nguyên nhân như sửa đổi file một cách bất hợp pháp hay do virus.
    - Kiểm soát hàng ngày, tháng, kích thước của file chức chương trình thực hiện. Danh sách các file của phiên bản đang chạy sẽ được lưu trữ và người quản trị sẽ có trách nhiệm kiểm tra kích thước, ngày tháng các file này để tránh việc thay đổi bất hợp pháp nội dung các file.
- Giải pháp phân quyền người sử dụng.
    - Giải pháp phân quyền người sử dụng được áp dụng để tránh việc sử dụng sai các chức năng của cán bộ vận hành của hệ thống.
    - Trong phần mềm quản lý tài chính của công ty FTS, phần quyền người sử dụng được thực hiện theo:
        - Nhóm người sử dụng.
        - Đến từng người sử dụng.
        - Phân quyền xác định chi tiết:
        - Từng chức năng hệ thống.
        - Từng loại dữ liệu liên quan.
- Giải pháp bảo mật dữ liệu trên đường truyền
    - Do hệ thống FTS sử dụng hạ tầng Interent để kết nối giữa các máy trạm và máy chủ, nhằm đảm bảo tính bảo mật dữ liệu trên đường truyền FTS sử dụng giải pháp nén và mã hóa dữ liệu trước khi truyền đi. Dữ liệu sẽ đựơc mã hóa tạo client/server trước khi truyền đến địa chỉ đích và client/server nhận dữ liệu sẽ thực hiện giải mã trước khi xử lý dữ liệu.

15. Giải pháp về hiệu năng và khả năng mở rộng của hệ thống

Giải pháp của FTS dựa trên các đặc điểm thiết kế sau:

- Phần mềm được thiết kế module hóa, tạo thuận lợi cho việc nâng cấp, bổ sung các module vào hệ thống.
- Phần mềm được thiết theo mô hình 3 lớp, các xử nghiệp vụ được tập trung ở tầng business logics.
- Các máy trạm truy cập vào hệ thống thông qua tầng service.
- Cơ chế license sản phẩm không phụ thuộc vào số ngưuời sử dụng, trong trường hợp phát sinh người sử dụng chỉ cần chuẩn bị đủ hạ tầng phần cứng và mạng để đáp ứng.
- Không giới hạn về mặt kỹ thuật các đơn vị khai báo trong hệ thống.
- Hệ thống xây dựng không phụ thuộc và nền tảng phần cứng, vì vậy có thể nâng cấp hệ thống phần cứng một cách dễ dàng.

Với hạ tầng phần cứng phức tạp, hệ thống có thể đạt được các tiêu chí sau:

- Quản lý dữ liệu hàng chục triệu bản ghi.
- Đáp ứng tốc độ truy xuất đối với đa số các giao dịch trong vòng 1s.

16. Giải pháp về tính linh hoạt, khả năng tuỳ biến của hệ thống

Cùng với sự phát triển của doanh nghiệp, các yêu cầu về quản trị sẽ thay đổi dẫn đến sự quá tải đối với các phần mềm có thiết kế đóng. **Phần mềm FTS ERP được thiết kế với hệ thống mở, mềm dẻo, linh hoạt** để điều chỉnh các tính năng không chỉ phù hợp với yêu cầu hiện tại mà còn sẵn sàng cho sự phát triển trong tương lai của doanh nghiệp cũng như sự biến động về chế độ kế

toán mới nhất của Bộ Tài Chính *(thiết kế hợp với yêu cầu đa dạng của thực tế)*. Với nền tảng ứng dụng *(Framework)* được thiết kế trên công nghệ hiện đại cho phép được sửa đổi, thêm bớt chức năng trong từng phân hệ *(module),* thay đổi màn hình giao diện, yêu cầu nghiệp vụ, báo cáo đầu ra phục vụ tốt nhất cho việc ra quyết định quản trị hiệu quả của doanh nghiệp.

Ngoài ra hệ thống được thiết kế mềm dẻo, không phụ thuộc vào dữ liệu thực tế:

- Hệ thống danh mục có thể được khai báo tùy ý.
- Cấu trúc tập trung (danh mục đơn vị) có thể khai báo nhiều cấp, có thể thêm bớt và chuyển đổi cấu trúc đơn vị dễ dàng.
- Không cần yêu cầu đóng ý với các nghiệp vụ.

17. Giải pháp quản lý phiên bản

FTS có giải pháp quản lý phiên bản phần mềm của các thiết bị truy cập vào hệ thống, đảm bảo tất cả các máy trạm làm việc luôn sử dụng cùng phiên bản phần mềm và mới nhất. Cơ chế hoạt động của giải pháp như sau:

- Thiết lập máy chủ quản lý. Khi có phiên bản phần mềm mới, các file phần mềm sẽ được cập nhật vào máy chủ quản lý phiên bản.
- Các máy trạm làm việc sẽ tự động kiểm tra và cập nhật phần mềm khi có phiên bản mới từ máy chủ quản lý.
- Các máy trạm không cập nhật phần mềm mới (do lý do nào đó), sẽ không được phép truy cập vào hệ thống.

CÁC MODULE KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ VỐN BẰNG TIỀN

Tổng quan

Với phân hệ Quản lý vốn bằng tiền của FTS ERP các khoản thu/ chi quỹ tiền mặt và tiền gửi ngân hàng được quản lý và kiểm soát chặt chẽ. Các khoản thanh toán với nhà cung cấp, thu tiền khách hàng được quản lý chi tiết cho từng lần thanh toán ngay trên màn hình phiếu thu/ chi giúp người dùng thao tác nhanh và chính xác nhất. Thông tin tồn quỹ, nhật ký thu chi được cập nhật liên tục và kịp thời giúp nhà lãnh đạo đưa ra những kế hoạch thu/ chi và quản lý dòng tiền của doanh nghiệp một cách hiệu quả.

Quy trình nghiệp vụ

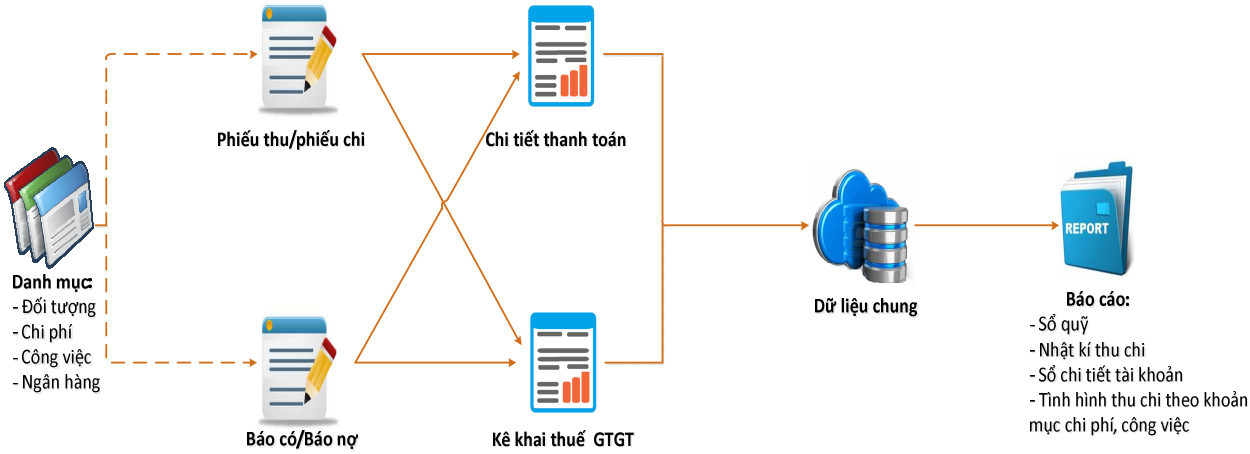

Chi tiết tính năng

Danh mục:

- **Quản lý danh mục đối tượng**: không giới hạn số lượng và thông tin của đối tượng, theo dõi chi tiết các thông tin liên lạc, theo quận huyện, tỉnh thành. Có các trường chờ để cập nhật thêm thông tin khi cần thiết.
- **Quản lý danh mục chi phí, danh mục công việc**

Màn hình minh họa: Phiếu chi tiền mặt

Nghiệp vụ:

- Lập phiếu thu chi, tiền mặt tiền gửi, phiếu kế toán, (theo mẫu của BTC hoặc mẫu đặc thù).
- Theo dõi thu / chi / tạm ứng theo đối tượng, hợp đồng, công việc, mục chi phí…

- Theo dõi và hạch toán thu/ chi các quỹ cũng như rút, gửi, chuyển khoản bằng tiền tại các ngân hàng theo nhiều loại tiền tệ như VND, USD, EUR…
- Thực hiện thanh toán công nợ, kê khai thuế GTGT tự động chi tiết cho từng hóa đơn mua hàng, bán hàng ngay trên màn hình chứng từ phiếu thu/chi, báo nợ/có.

Kết nối với phân hệ quản lý bán hàng, phân hệ quản lý mua hàng, phân hệ quản lý công nợ phải thu, phải trả để thực hiện kết nối với phân hệ quản lý chi phí giá thành để theo dõi các khoản mục chi phí cho từng đầu mục công việc phục vụ cho công tác tính giá thành sản phẩm.

Màn hình minh họa: Sổ quỹ tiền mặt

Khai thác báo cáo Nhật ký thu chi, sổ quỹ tiền mặt, số quỹ tiền gửi, các báo cáo chi tiết tài khoản và bảng kê theo mẫu của BTC. Khai thác các báo cáo quản trị liên quan đến tình hình thu chi theo từng khoản mục chi phí, khoản mục công việc, đối tượng

QUẢN LÝ CÔNG NỢ PHẢI THU

Tổng quan

Với phân hệ Quản lý công nợ phải thu của giải pháp FTS ERP, các khoản nợ của khách hàng trong từng hợp đồng, đơn hàng được theo dõi và quản lý chặt chẽ. Phân tích định mức công nợ và tuổi nợ để giúp cho nhà lãnh đạo tránh được tình trạng nợ xấu trong doanh nghiệp và đưa ra những chính sách bán hàng hiệu quả.

Quy trình nghiệp vụ

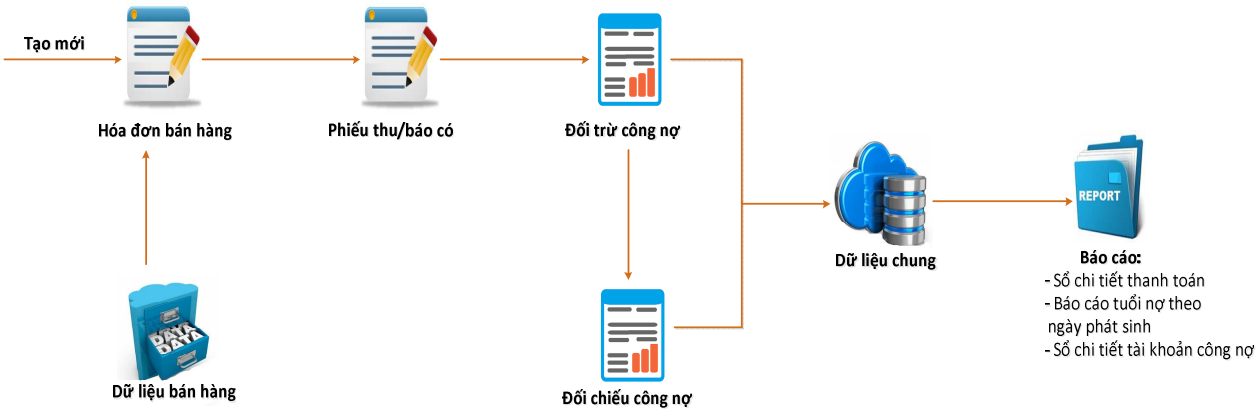

Chi tiết tính năng

- **Lập các hóa đơn bán hàng** trực tiếp hoặc từ lập từ phân hệ bán hàng và các công nợ phải thu khác (dịch vụ).
- **Thanh toán công nợ bán hàng**, cung cấp dịch vụ. Theo dõi thanh toán cho từng khách hàng, chi tiết cho từng hóa đơn, từng hợp đồng, đơn hàng. Thực hiện đối trừ công nợ cho từng lần thanh toán.
- **Lập biên bản đối chiếu công nợ.**

- **Kết nối** phân hệ bán hàng và phân hệ kế toán tiền để định danh các khoản nợ và theo dõi tình hình thanh toán của khách hàng

Màn hình: Báo cáo tuổi nợ theo ngày phát sinh

- **Khai thác các báo** cáo theo dõi tình hình thanh toán của khách hàng, báo cáo tuổi nợ theo ngày phát sinh, báo cáo công nợ theo từng hợp đồng, đơn hàng.

QUẢN LÝ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ

Tổng quan

Với phân hệ Quản lý công nợ phải trả của giải pháp FTS ERP, các khoản nợ của nhà cung cấp trong từng hợp đồng, đơn hàng được theo dõi và quản lý chặt chẽ. Phân tích định mức công nợ và tuổi nợ để giúp cho nhà lãnh đạo điều chỉnh và quản lý tài chính công ty hiệu quả hơn và tạo quan hệ tốt hơn với nhà cung cấp.

Quy trình nghiệp vụ

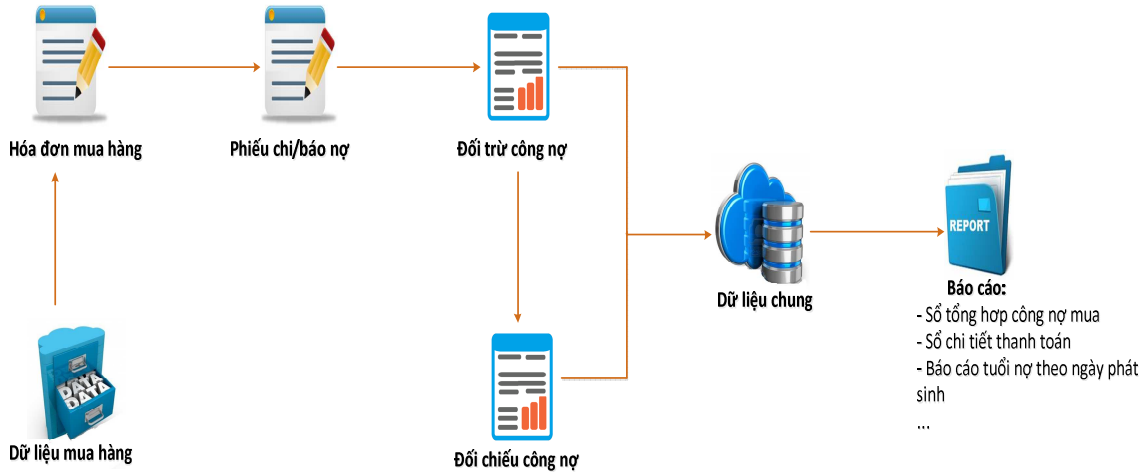

Chi tiết tính năng

- **Lập các hóa đơn mua hàng** trực tiếp hoặc từ lập từ phân hệ mua hàng và các công nợ phải trả khác.
- **Thanh toán công nợ mua hàng**, cung cấp dịch vụ. Theo dõi thanh toán cho từng nhà cung cấp, chi tiết cho từng hóa đơn, từng hợp đồng, đơn hàng. Thực hiện đối trừ công nợ cho từng lần thanh toán.
- **Lập biên bản đối chiếu công nợ.**

Màn hình: Tổng hợp so sánh tuổi nợ bình quân tại hai thời điểm hai năm

- **Kết nối** phân hệ mua hàng và phân hệ kế toán tiền để định danh các khoản nợ và theo dõi tình hình thanh toán cho nhà cung cấp.
- **Khai thác các báo** cáo theo dõi tình hình thanh toán cho nhà cung cấp, báo cáo tuổi nợ theo ngày phát sinh, báo cáo công nợ theo từng hợp đồng, đơn hàng.

QUẢN LÝ HỢP ĐỒNG VAY, CHO VAY

Tổng quan

- Quản lý thông tin về các hợp đồng vay và cho vay.
- Quản lý thông tin về các hợp đồng mua hàng, bán hàng.
- Theo dõi các nguyên tắc chung của hợp đồng, tình hình thực hiện hợp đồng, tình hình thanh toán hợp đồng.
- Kết nối với phân hệ quản lý vốn bằng tiền, phân hệ quản lý bán hàng, phân hệ quản lý mua hàng để tự động cập nhật tình hình thực hiện và thanh toán hợp đồng.
- Tính lãi vay, lãi quá hạn hợp đồng.
- Khai khác các báo cáo và bảng kê về hợp đồng và tính hình thực hiện hợp đồng.

Màn hình minh họa: Hợp đồng

Màn hình minh họa: Bảng kê lãi suất HĐ vay

Màn hình minh họa: sổ theo dõi tình hình thanh toán hợp đồng vay

KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tổng quan

Với phân hệ Quản lý tài sản của giải pháp FTS ERP, các thông tin cần thiết về tinh hình biến động của tài sản của doanh nghiệp (Tài sản cố định, công cụ dụng cụ…) từ thời điểm mua đến khi thanh lý: nguyên giá, giá trị hao mòn, giá trị còn lại, sửa chữa lớn, điều chuyển, nguồn vốn hình thành, số năm khấu hao, bộ phận và mục đích sử dụng được theo dõi đầy đủ cả về số lượng và giá trị. Quản lý tính khấu hao và thanh lý tài sản.

Quy trình nghiệp vụ

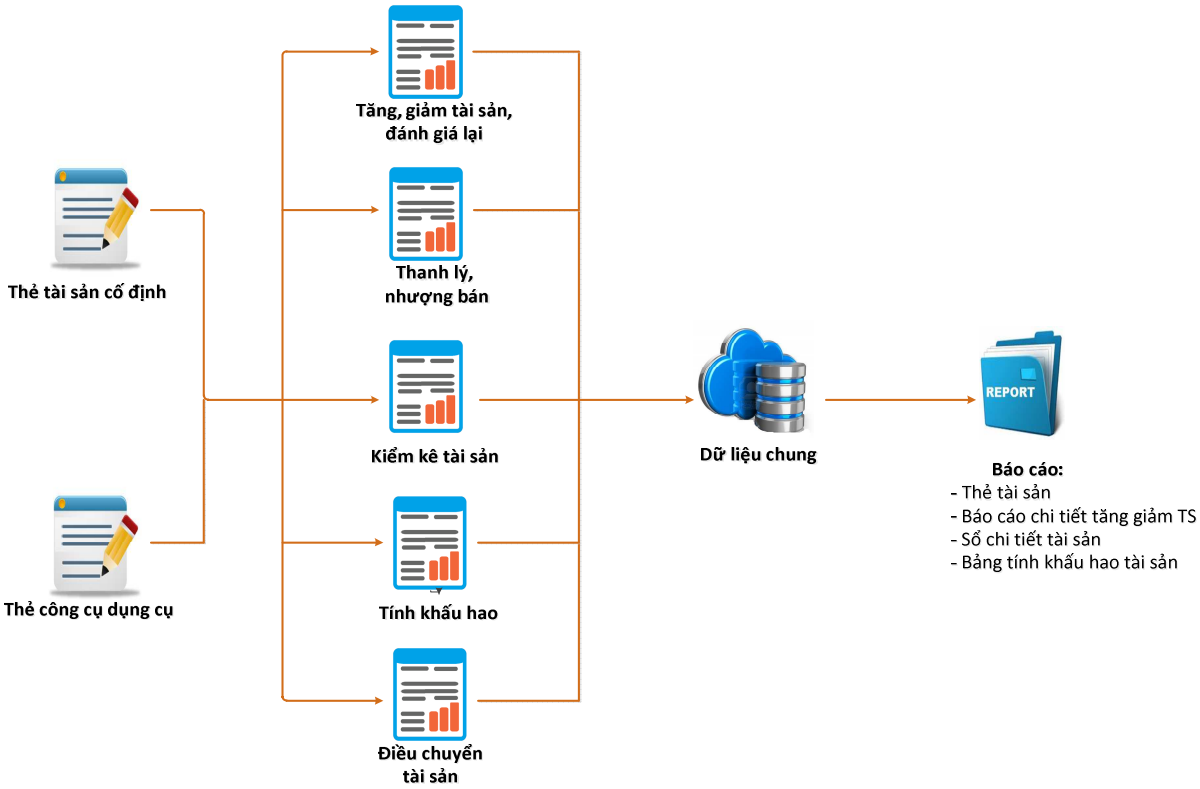

Chi tiết tính năng

- **Lập thẻ chi tiết tài sản:** theo dõi đầy đủ các thông tin về tên tài sản, đơn vị tính, số tháng khấu hao, ngày đưa vào sử dụng, bộ phận sử dụng, lý do hình thành, nguồn vốn hình thành, nguyên giá ban đầu, mức khấu hao ban đầu, tình trạng hiện tại.
- **Lập các phiếu biến động tài sản**: ngừng khấu hao, tăng giảm đánh giá lại, thanh lý nhượng bán tài sản, sửa chữa lớn, điều chuyển. Lập phiếu xuất dùng công cụ dụng cụ,
- **Theo dõi số lần xuất dùng**, phân bổ công cụ dụng cụ vào chi phí.
- **Tự động tính và hạch toán khấu hao TSCĐ** theo nguồn vốn, tính khấu hao theo tháng, hoặc tính hao mòn theo năm.
- **Tính phân bổ và hạch toán giá trị CCDC** vào chi phí trong các kỳ khác nhau.
- **Kiểm kê tài sản**

Kết nối phân hệ kế toán tông hợp, kế toán vốn bằng tiền.

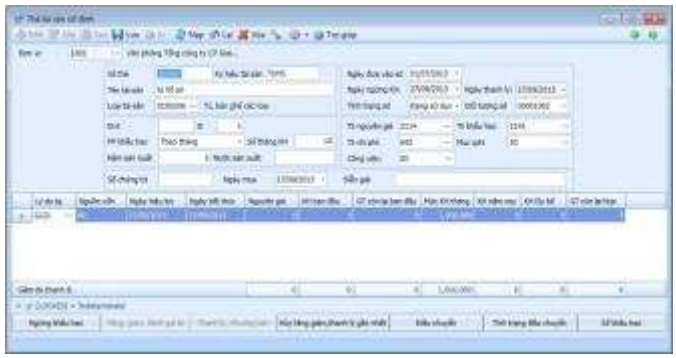

Màn hình minh họa: Thẻ tài sản

Màn hình minh họa: Sổ chi tiết tài sản

Khai thác các báo thẻ tài sản, sổ chi tiết tài sản, báo cáo tăng giảm tài sản,bảng tính khấu hao tài sản, báo cáo tình hình tăng giảm tài sản…

QUẢN LÝ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Tổng quan

Với phân hệ Quản lý thuế GTGT của giải pháp FTS ERP, các hóa đơn, chứng từ hàng hóa mua vào, bán ra được tập hợp và nhập từ các phân hệ khác lên bảng kê, tờ khai thuế GTGT hàng tháng theo quy định, lên các báo cáo liên quan đến thuế TNDN. Chương trình cho phép kết nối trực tiếp với chương trình HTKK của tổng cục thuế.

Quy trình nghiệp vụ

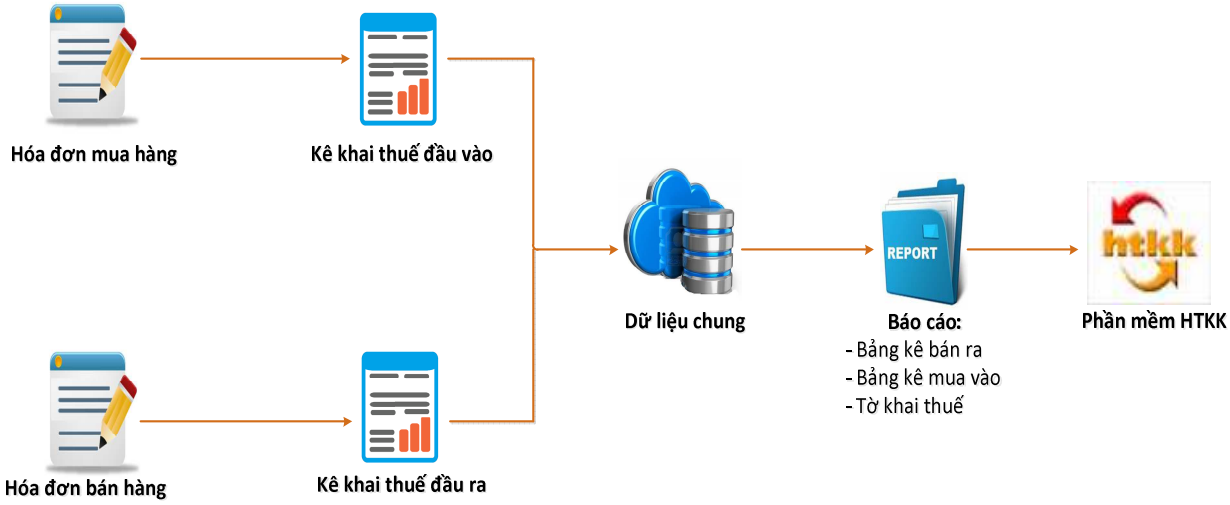

Chi tiết tính năng

- **Kê khai các hóa đơn hàng hóa mua vào và bán ra.**
- **Kê khai chỉnh sửa, bổ sung các hóa đơn.**
- **Tự động kết xuất** số liệu sang phần mềm kê khai thuế.

Kết nối phân hệ kế toán tiền, mua hàng, bán hàng.

Khai thác các báo: Tờ khai thuế, các bảng kê mua vào bán ra.

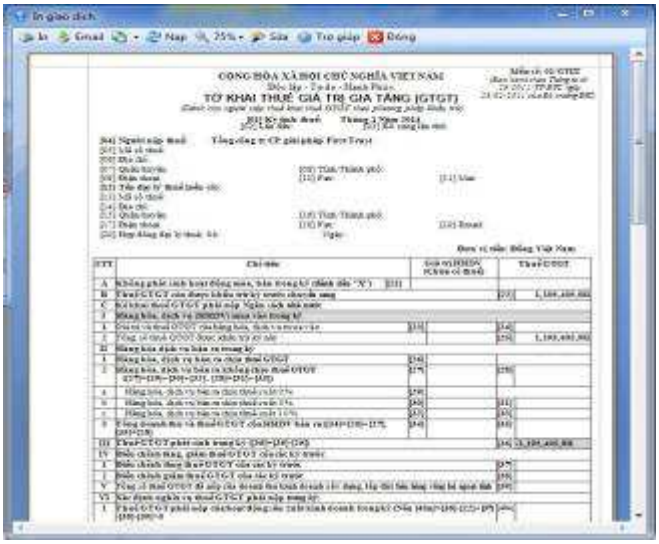

Màn hình: Tờ khai thuế GTGT

KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tổng quan

Với phân hệ Kế toán tổng hợp của giải pháp FTS ERP các dữ liệu từ tất cả các phân hệ được tiếp nhận, tổng hợp và làm cơ sở lập ra các báo cáo tài chính. Phần mềm cho phép người sử dụng tự tạo các mẫu báo cáo tài chính theo công thức tính toán của đơn vị và các mẫu chuẩn theo quy định của BTC, hợp nhất báo cáo từ các đơn vị thành viên.

Quy trình nghiệp vụ

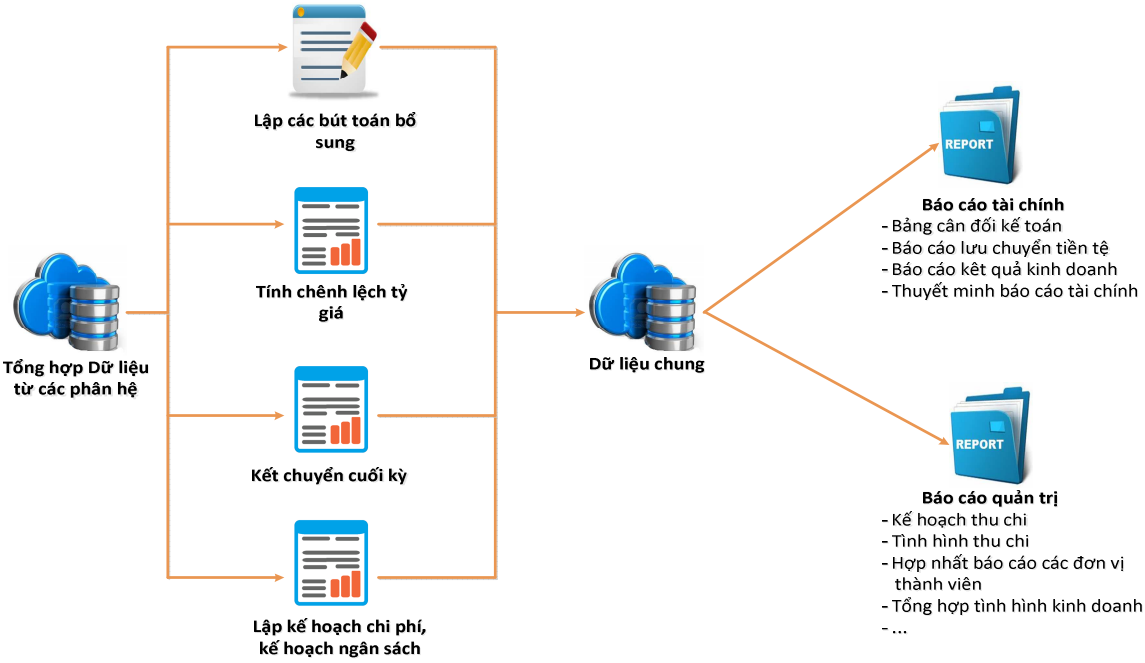

Chi tiết tính năng

- **Tính toán chênh lệch tỷ giá cuối kỳ**
- **Lập bổ dung các nghiệp vụ** hạch toán khác thông qua Phiếu kế toán khác, Phiếu bù trừ công nợ.
- **Xử lý các bút toán ngoài bảng.**
- **Tạo các bút toán kết chuyển, khóa sổ, điều chỉnh tự động** tuỳ chọn theo phương thức quản lý, hạch toán.

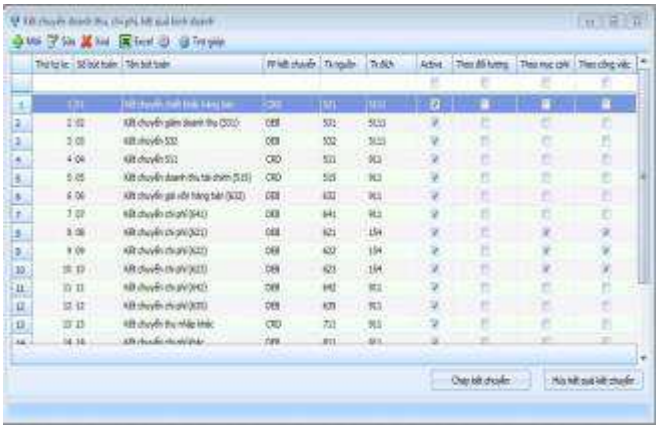

Màn hình: Kết chuyển doanh thu, chi phí , kết quả KD

Khai thác các báo cáo:

- **Bảng cân đối** phát sinh tài khoản, bảng cân đối kế toán, bảng cân đối tài khoản ngoại bảng, bảng cân đối kế toán theo

thời gian....

- **Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh**: Lãi lỗ, tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước, Thuế GTGT được khấu trừ, hoàn lại, miễn giảm, hàng bán nội địa, giá thành doanh thu hạng mục công trình....
- **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ** (trực tiếp và gián tiếp).
- **Thuyết minh BCTC**: Chi phí SXKD theo yếu tố, tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu, tình hình tăng giảm các khoản đầu tư vào các đơn vị khác, một số chỉ tiêu đánh giá hoạt động tài chính, các khoản phải thu và nợ phải trả, tình hình tăng giảm tài sản cố định...
- **Bảng tổng hợp kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh,** chi tiết kết quả sản xuất kinh doanh theo thời gian, có thể chi tiết theo từng mặt hàng. Tổng hợp phát sinh tài khoản ngoại bảng.
- **Hệ thống các báo cáo** về tình hình thu chi các quỹ tại đơn vị, tồn quỹ.
- **Bảng tổng hợp tình hình TSCĐ, CCDC** bảng tổng hợp trích khấu hao cơ bản .

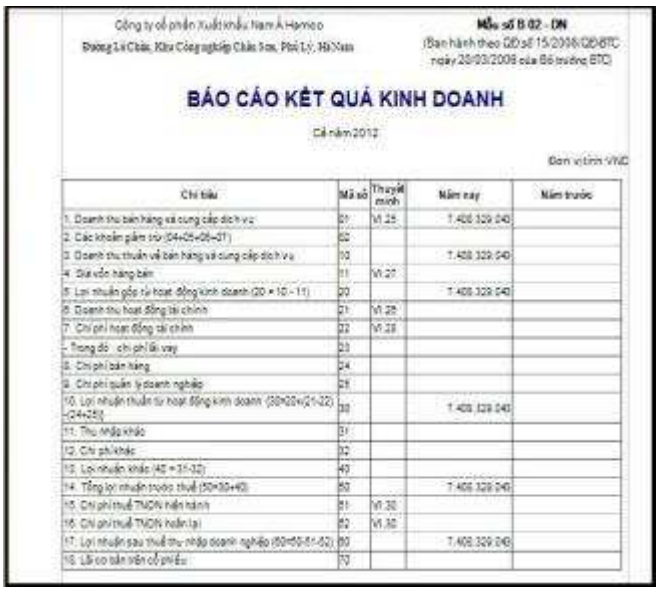

Mẫu số B 02 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cả năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	1.408.329.040	
2. Các khoản giảm trừ (04+05+06+07)	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.408.329.040	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27		
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		1.408.329.040	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26		
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.28		
- Trong đó: chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25			
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22) -(24+25))	30		1.408.329.040	
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40			
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		1.408.329.040	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.408.329.040	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Báo cáo kết quả kinh doanh

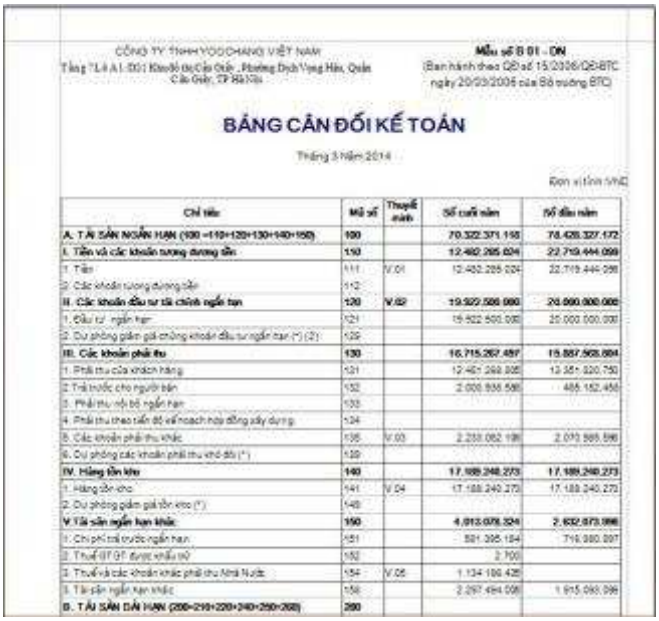

CÔNG TY TNHH YOOCHANG VIỆT NAM
Tầng 7 Lô A1-D01 Khu đô thị Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

Mẫu số B 01 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tháng 3 Năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 =110+120+130+140+150)	**100**		**70.322.371.168**	**78.428.327.172**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**12.482.285.024**	**22.719.444.099**
1. Tiền	111	V.01	12.482.285.024	22.719.444.099
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V.02**	**19.500.000.000**	**20.000.000.000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		19.500.000.000	20.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129			
III. Các khoản phải thu	**130**		**16.715.267.497**	**15.887.568.664**
1. Phải thu của khách hàng	131		12.461.269.908	13.351.920.750
2. Trả trước cho người bán	132		2.000.936.589	485.152.456
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	2.253.062.199	2.070.995.598
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	**140**		**17.189.240.273**	**17.189.240.273**
1. Hàng tồn kho	141	V.04	17.189.240.273	17.189.240.273
2. Dự phòng giảm giá tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**4.013.078.334**	**2.632.073.996**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		881.395.184	716.980.997
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.700	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154	V.05	1.134.199.425	
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.297.494.026	1.915.093.099
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	**200**			

Bảng cân đối kế toán

CÁC MODULE MỞ RỘNG

QUẢN LÝ HÀNG HÓA BẰNG HỆ THỐNG MÃ VẠCH

Tổng quan

Sử dụng hệ thống mã vạch (Barcode) trong quản lý hàng hóa, vật tư của giải pháp quản trị doanh nghiệp FTS ERP sẽ giúp cho việc quản lý kho của các doanh nghiệp dễ dàng hơn bao giờ hết. Các bài toán khó khăn về việc kiểm tra liên tục và tổng hợp nhiều thông tin hàng hóa xuất nhập tồn của doanh nghiệp được xử lý đầy đủ, nhanh chóng và chính xác, trợ giúp đắc lực cho việc sản xuất và ra quyết định của doanh nghiệp.

Quy trình nghiệp vụ

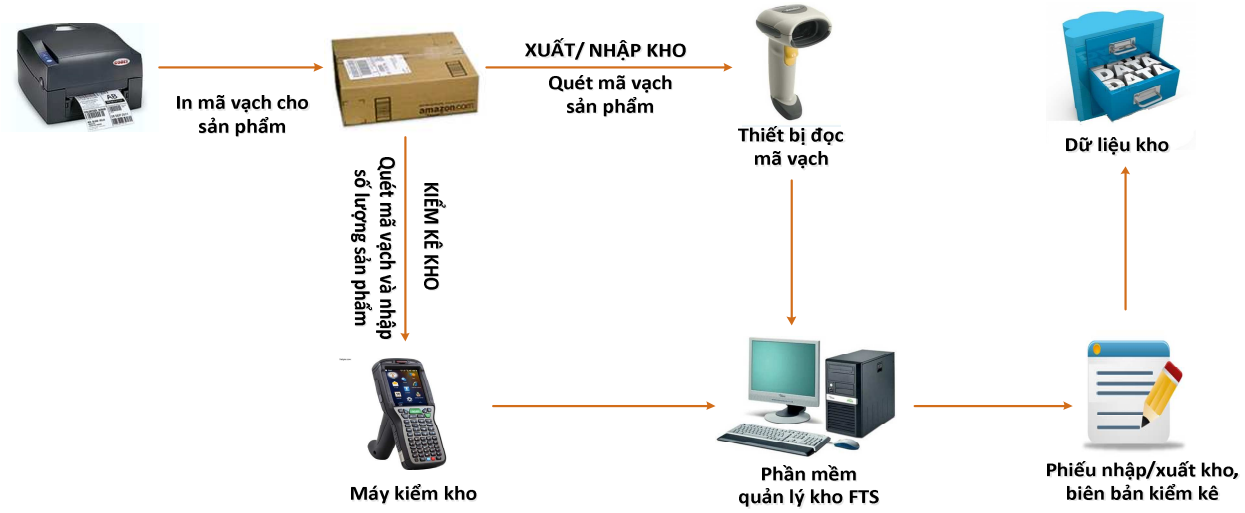

Chi tiết tính năng

Quản lý hàng hóa theo mã vạch:

- Gắn được mã vạch chuẩn quốc tế (Xây dựng được bộ quản lý chuẩn mã vạch quốc tế).
- Một mã hàng hóa có thể có nhiều loại mã vạch khác nhau để quản lý.
- Trong mã vạch có thể chứa nhiều thông tin về hàng hóa, xuất xứ, chủng loại, giá cả,…
- Các biến thể là cùng một mã có thể có nhiều loại khác nhau như một cái áo có nhiều màu, nhiều kích cỡ,…

Có chức năng tìm kiếm theo nhiều tiêu chí khác nhau như theo mã, tên tắt, một phần tên,…

Cho phép phân loại hàng hóa theo nhiều cấp và theo các thuộc tính khác nhau.

Khả năng liên kết giữa các sản phẩm để thành một sản phẩm mới khi bán

Quản lý giá bán, các chương trình khuyến mãi, chiết khấu từng loại hàng hóa.

Quản lý hạn mức tồn kho, vòng quay hàng hóa.

Thực hiện xuất kho, nhập kho, và kiểm kê hàng hóa trong kho bằng mã vạch.

QUẢN LÝ BÁN HÀNG

Tổng quan

Với phân hệ Quản lý bán hàng của giải pháp FTS ERP, phần công việc trong chu trình bán hàng được tự động hóa, thời gian theo dõi và chi phí xử lý được giảm bớt. Điều đó trợ giúp rất nhiều cho bộ phận kinh doanh và bộ phận kế toán, các nhà lãnh đạo theo dõi được doanh thu và các khoản công nợ một cách chặt chẽ, nắm bắt được tình hình kinh doanh kịp thời để đưa ra những quyết định, chiến lược bán hàng, marketing, chính xác.

Quy trình nghiệp vụ

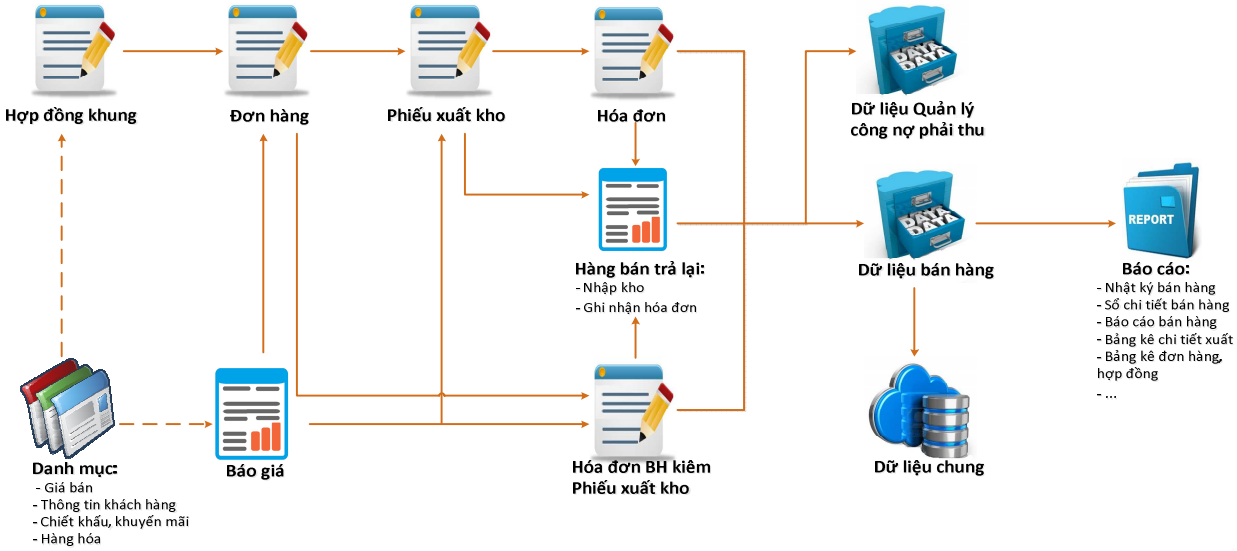

Chi tiết tính năng

Danh mục:

- **Quản lý thông tin khách hàng**: không giới hạn số lượng khách hàng quản lý, lưu trữ đầy đủ thông tin khách hàng, phân loại khách hàng theo nhiều tiêu chí: tỉnh thành, quận huyện,...

  Quản lý giá bán: Khai báo giá bán lẻ, giá bán theo từng khách hàng, nhóm khách hàng, khu vực thị trường, theo từng kho hàng hóa, sản phẩm theo từng thời gian

Màn hình minh họa: Đơn hàng

hiệu lực.

- **Quản lý chính sách giá** chiết khấu, khuyến mãi khách hàng theo từng khách hàng, nhóm khách hàng, theo số lượng hàng mua.
- **Quản lý báo giá** gửi cho khách hàng, và chuyển số liệu sang đơn hàng và hóa đơn.

Nghiệp vụ:

- **Quản lý hợp đồng bán hàng** và các hạn mức công nợ theo giá trị tiền hàng, theo ngày thanh toán, theo số lượng mặt hàng của từng hợp đồng bán hàng.
- **Lập đơn hàng,** cho phép phê duyệt hoặc không phê duyệt đơn hàng theo công nợ, hàng tồn kho.

Kết nối sang phân hệ kế toán tiền thu tiền hàng, quản lý công nợ phải thu khách hàng, phân hệ quản lý kho để cập nhật số lượng tồn kho, phân hệ kế toán tổng hợp để chuyển số dư vào sổ cái.

Khai thác báo cáo bán hàng, sổ chi tiết bán hàng, nhật ký bán hàng, bảng kê đơn hàng, hợp đồng, Báo cáo tình trạng của các đơn hàng, Báo cáo tổng hợp về tình hình tiêu thụ hàng hóa …

- **Đối chiếu công nợ khách hàng**, phân tích tuổi nợ, hạn mức công nợ để duyệt đơn hàng.
- **Xuất hàng bán:** Lập phiếu xuất kho sau khi duyệt đơn hàng từ màn hình đơn hàng hoặc từ màn hình hóa đơn.
- **Xuất hóa đơn:** Theo nhiều cách: Xuất hóa đơn ngay khi xuất kho, xuất hóa đơn độc lập, xuất hóa đơn trước khi xuất kho, xuất hóa đơn sau khi xuất kho. Cho phép lập hóa đơn từ màn hình đơn hàng hoặc phiếu xuất kho.
- **Theo dõi giao hàng từng phần.**
- **Theo dõi hàng bán không qua kho, hàng bán trả lại.** Tạo các bút toán điều chỉnh khi có hàng bán trả lại.
- **Tự động cập nhật** mặt hàng, số lượng từ đơn hàng lên hóa đơn mà không cần nhập lại

Màn hình minh họa: Báo cáo bán hàng

QUẢN LÝ MUA HÀNG

Tổng quan

Với phân hệ Quản lý mua hàng của giải pháp FTS ERP, phần công việc trong quy trình mua hàng được tự động hóa, thời gian theo dõi và chi phí xử lý được giảm bớt. Điều đó trợ giúp rất nhiều cho bộ phận mua hàng và bộ phận kế toán, các nhà lãnh đạo theo dõi được các đề xuất mua hàng, theo dõi việc nhận hàng, kiểm tra chất lượng hàng mua, từ đó đưa ra quyết định mua hàng kịp thời và lựa chọn nhà cung cấp hợp lý.

Quy trình nghiệp vụ

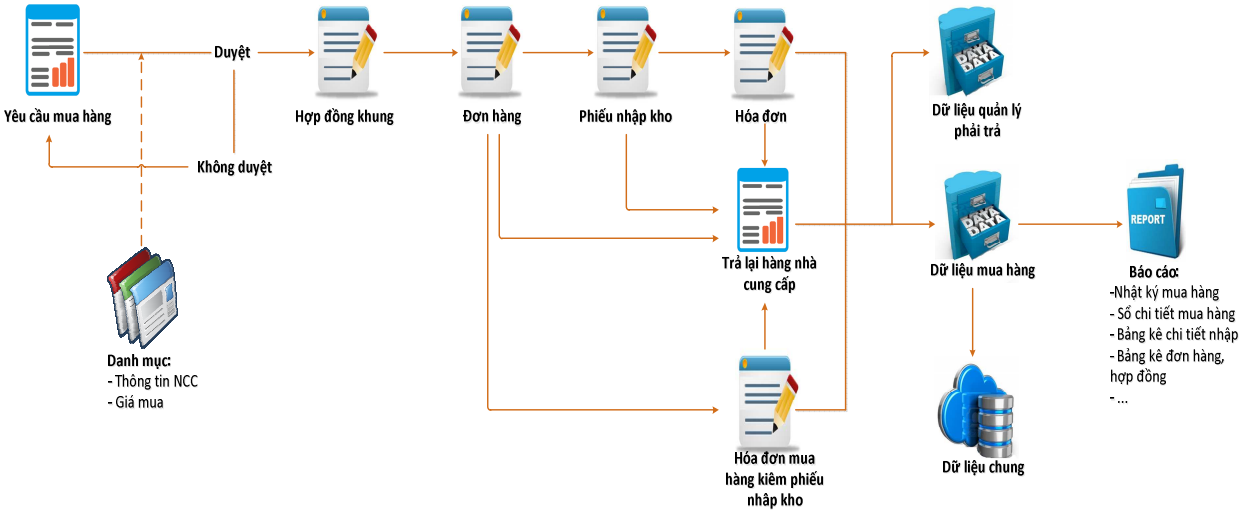

Chi tiết tính năng

Danh mục:

- **Quản lý nhà cung cấp**: lưu trữ đầy đủ thông tin, các phương thức giao hàng, phương thức thanh toán.
- **Quản lý giá mua**: lưu các báo giá của các nhà cung cấp và từng loại hàng hóa. Các khoản chiết khấu, điều kiện thanh toán. Cho phép so sanh giá báo của các nhà cung cấp, các giá báo theo thời gian.

Nghiệp vụ:

- **Quản lý yêu cầu mua hàng** theo đơn hàng bán, theo lệnh sản xuất, theo từng đầu công việc. Cho phép duyệt/ không duyệt yêu cầu mua theo cấp quản lý và đối chiếu lượng hàng tồn kho. Lựa chọn nhà cung cấp cho những yêu cầu mua được duyệt.
- **Quản lý hợp đồng mua hàng** và các hạn mức công nợ phải trả của từng hợp đồng.
- **Theo dõi hàng mua bằng VNĐ và ngoại tệ.**

Kết nối với phân hệ kho để quản lý nhập kho hàng hóa, kết nối với phân hệ quản lý phải trả để theo dõi công nợ với nhà cung cấp, kết nối với phân hệ kế toán

Màn hình minh họa: Đơn hàng mua

- **Lập đơn hàng mua** có thể lập trực tiếp hoặc lập từ hợp đồng. Quản lý từng đơn hàng mua trong nước và đơn hàng nhập khẩu. Tính cước phí vận chuyển, bảo hiểm và các chi phí khác. Tự động tính thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế nhập khẩu, phân bổ cho từng loại hàng theo các tiêu thức khác nhau: số lượng, giá tiền, trọng lượng
- **Nhập hàng:** theo dõi hàng nhập kho theo phiếu nhập kho hoặc là nhập kho theo hóa đơn (hóa đơn kiêm phiếu nhập kho).
- **Theo dõi hàng trả lại nhà cung cấp** trong nhiều trường hợp do hàng không đạt tiêu chuẩn, trả hàng trước khi nhận hóa đơn hoặc sau khi nhận hóa đơn.

tiền để theo dõi thanh toán cho nhà cung cấp.

Khai thác báo cáo: Báo cáo mua hàng, sổ nhật ký mua hàng, bảng kê các dịch vụ hàng hóa mua vào, bảng kê, báo cáo tổng hợp các đơn hàng/ hợp đồng mua và các sổ sách báo cáo khác liên quan theo nhu cầu quản trị của doanh nghiệp.

Màn hình minh họa: Bảng kê chi tiết nhập

QUẢN LÝ KHO

Tổng quan

Với phân hệ Quản lý Kho của giải pháp FTS ERP mọi hoạt động nhập xuất kho, điều chuyển giữa các kho được quản lý hiệu quả. Cho phép doanh nghiệp kiểm soát cả về giá trị, số lượng, mặt hàng, nơi lưu trữ, theo nhiều đơn vị tính. Từ đó giúp doanh nghiệp tránh được những thiệt hại trong việc lưu trữ và quản lý tốt hàng hóa trong sản xuất và lưu thông.

Quy trình nghiệp vụ

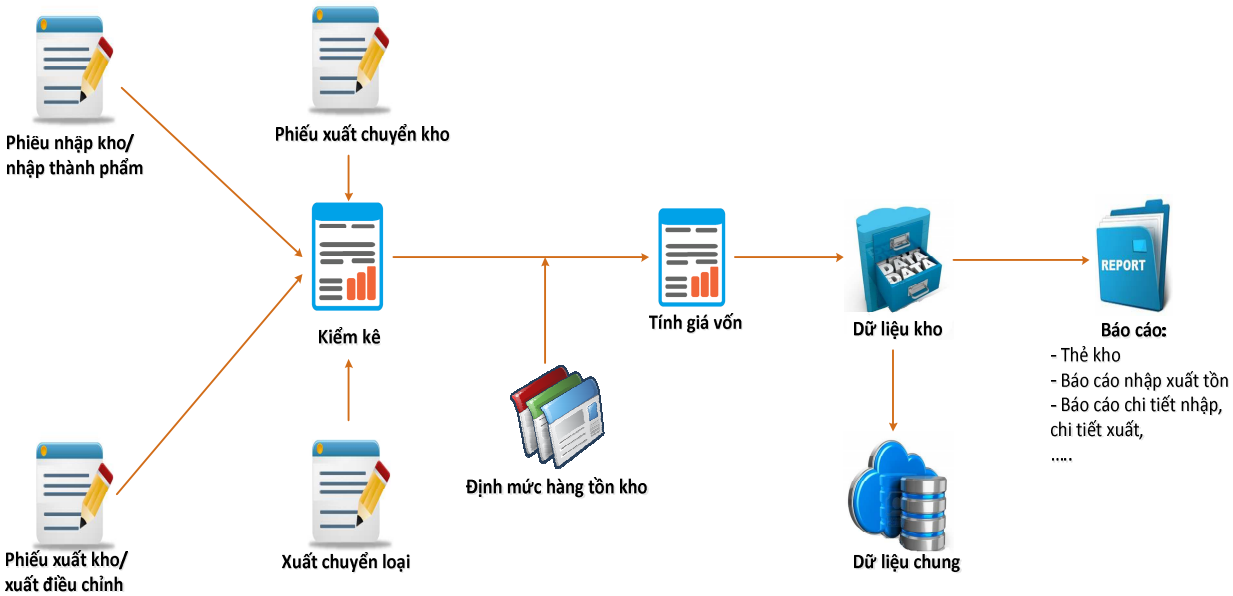

Chi tiết tính năng

Danh mục:

- **Quản lý danh mục vật tư hàng hóa:** cho phép quản lý nhiều đơn vị tính cho 1 loại hàng hóa, vật tư. Quản lý theo trọng lượng, thể tích, màu sắc, kích cỡ.
- **Quản lý danh mục nguồn hàng.**
- **Quản lý danh mục kho hàng:** cho phép theo dõi nhiều kho, phân loại hàng hóa theo kho, theo lô, phân loại theo nhu cầu của người sử dụng.

Nghiệp vụ:

- **Lập phiếu nhập kho hàng hóa** trực tiếp hoặc từ phân hệ mua hàng.
- **Lập phiếu nhập kho thành phẩm.**
- **Lập phiếu xuất kho hàng hóa** trực tiếp hoặc từ phân hệ bán hàng.
- **Lập phiếu xuất/ phiếu nhập điều chỉnh, xuất chuyển kho, chuyển loại.**
- **Quản lý hạn mức tồn kho.**
- **Kiểm kê hàng tồn kho:** in biên bản kiểm kê, phiếu kiểm kê, sổ chênh lệch kiểm kê, tạo các bút toán tương ứng. Đánh giá lại giá trị hàng tồn kho.
- **Tính giá vốn hàng tồn kho** theo nhiều phương pháp: Bình quân cuối kỳ, bình quân tức thời, nhập trước xuất trước, giá đích danh, đích danh theo lần nhập, theo lô nhập. Cho phép chọn phương pháp tính cho từng mặt hàng.

Kết nối với phân hệ bán hàng, phân hệ mua hàng để quản lý lượng hàng xuất, nhập.

Khai thác báo cáo: Thẻ kho, Báo cáo nhập xuất tồn, Bảng tính giá chênh lệch tồn kho cuối kỳ, Báo cáo nhập kho, Báo cáo xuất kho, …

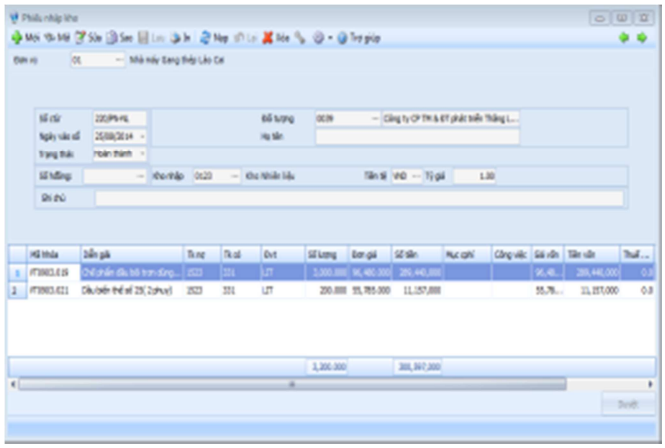

Màn hình: Phiếu nhập kho

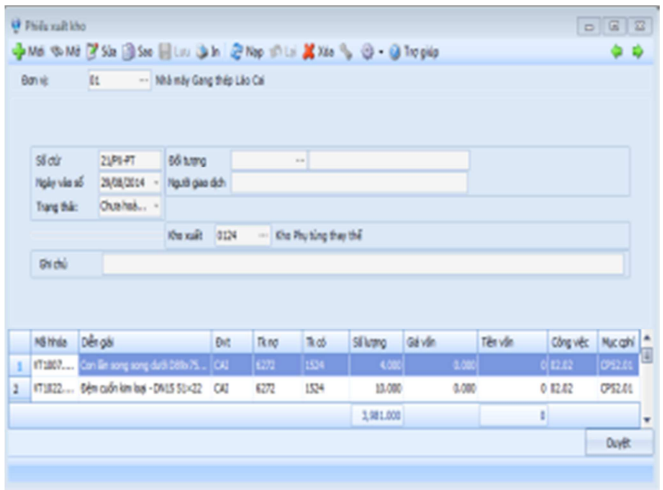

Màn hình: Phiếu xuất kho

Màn hình: Báo cáo nhập xuất tồn

QUẢN LÝ SẢN XUẤT

Tổng quan

Phân hệ Quản lý sản xuất của giải pháp quản lý doanh nghiệp FTS ERP sẽ giúp doanh nghiệp quản lý toàn bộ hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, bao gồm 2 phần chính là hoạch định kế hoạch sản xuất, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu dùng cho sản xuất. Từ đó giảm thiểu chi phí trong sản xuất, tiết kiệm thời gian thực hiện đơn hàng, đảm bảo tiến độ giao hàng và theo dõi liên tục tình hình thực hiện đơn hàng cho khách hàng. Điều đó trợ giúp rất nhiều cho hoạt động sản xuất tại doanh nghiệp, tạo nhiều cơ hội cạnh tranh cho doanh nghiệp và hỗ trợ đắc lực cho việc ra quyết định của các nhà lãnh đạo.

Quy trình nghiệp vụ

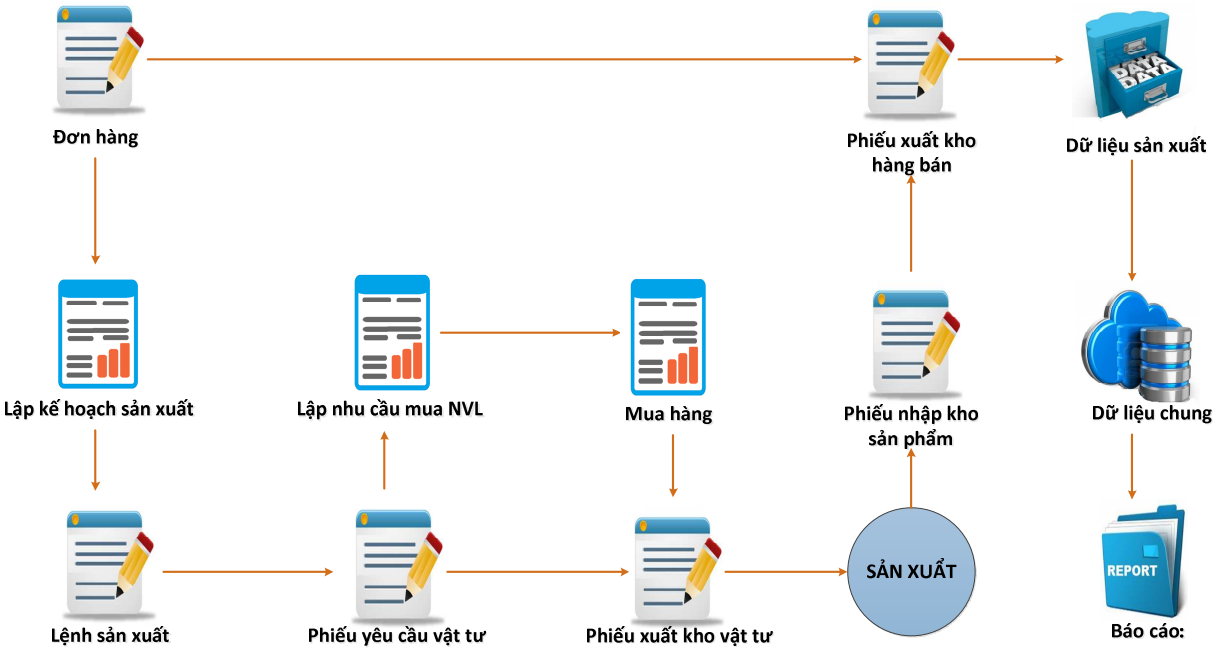

Chi tiết tính năng

- Quản lý các đơn đặt hàng của khách hàng.
- Quản lý kế hoạch bán hàng.
- Quản lý các định mức cho từng sản phẩm: định mức nguyên vật liệu, định mức nhân công, năng lực sản xuất của từng dây chuyền.
- Lập kế hoạch sản xuất theo đơn hàng, theo kế hoạch bán hàng, hay nhu cầu lưu kho. Kế hoạch được lập cho từng quý, từng tháng, hoặc từng tuần, từng ngày. Hệ thống sẽ căn cứ một số yếu tố để lập kế hoạch sản xuất:

- ✓ Hạn mức tồn kho của từng sản phẩm, hàng hóa.Lượng hàng tồn kho, lượng nguyên vật liệu tồn kho.
- ✓ Số lượng đơn hàng, kế hoạch bán hàng.
- ✓ Số lượng hàng hóa cho từng đơn hàng.
- ✓ Năng lực sản xuất của từng dây chuyền.
- ✓ Định mức nguyên vật liệu, định mức nhân công cho từng sản phẩm, hàng hóa.
- ✓ Thời hạn giao hàng.
- ✓ Dự kiến thời gian mua nguyên vật liệu.

- Chuyển kế hoạch sản xuất thành các Lệnh sản xuất cho từng dây chuyền trong từng quý, tháng, tuần, ngày.
- Tạo các phiếu yêu cầu vật tư gửi sang bộ phận mua hàng và bộ phận kho.
- Lập nhu cầu mua nguyên vật liệu phục vu cho sản xuất. Trên cơ sở một số yếu tố:
  - ✓ Định mức nguyên vật liệu.
  - ✓ Thời gian giao hàng dự kiên của nhà cung cấp.
  - ✓ Báo giá của nhà cung cấp.
  - ✓ Số lượng đơn đặt hàng.
  - ✓ Đối chiếu lượng hàng tồn kho thực tế và yêu cầu tồn kho tối thiểu.
- Chuyển bảng nhu cầu mua nguyên vật liệu sang bộ phận Quản lý mua hàng để thực hiện mua hàng.
- Cập nhật kết quả sản xuất từng ngày.
- Cập nhật sản phẩm dở dang.
- Cập nhật sản phẩm đạt tiêu chuẩn, chất lượng.
- Cập nhật lượng hàng hỏng hóc, thất thoát.
- Theo dõi, cập nhật tình hình sản xuất theo từng đơn hàng và từng lệnh sản xuất.

QUẢN LÝ HÓA ĐƠN, ẤN CHỈ

Tổng quan

- Quản lý danh mục loại hóa đơn, ấn chỉ.
- Quản lý danh mục các mã hóa đơn, ấn chỉ của từng loại hóa đơn, ấn chỉ.
- Quản lý danh mục quyển hóa đơn, ấn chỉ: Theo dõi số quyển, số liên, số seri được đánh trong từng quyển.
- Quản lý thông tin trên hóa đơn, ấn chỉ: số quyển, số seri, ký hiệu, mẫu số hóa đơn, ấn chỉ…
- Quản lý nhập kho hóa đơn, ấn chỉ: theo dõi đầy đủ các thông tin của các hóa đơn, ấn chỉ được nhập.
- Quản lý xuất hóa đơn, ấn chỉ: theo dõi đầy đủ các thông tin của các hóa đơn, ấn chỉ

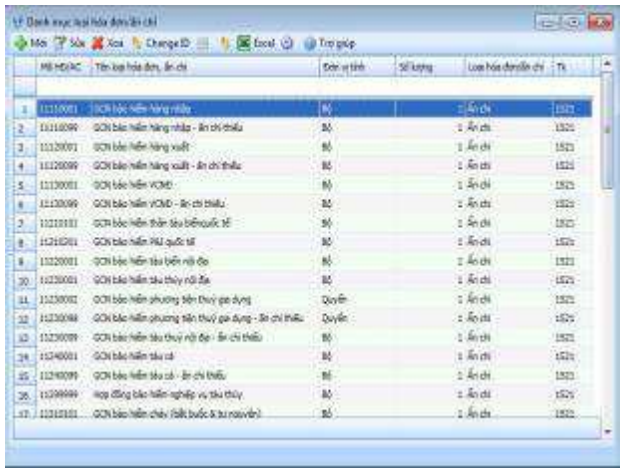

Màn hình minh họa: Danh mục hóa đơn, ấn chỉ

được xuất. Cảnh báo và không cho phép xuất trùng số hóa đơn, ấn chỉ.

- Quản lý tồn kho hóa đơn, ấn chỉ, xuất điều chỉnh giữa các kho của các đơn vị.
- Quản lý các hóa đơn, ấn chỉ cấp hỏng, hủy, cấp đổi.

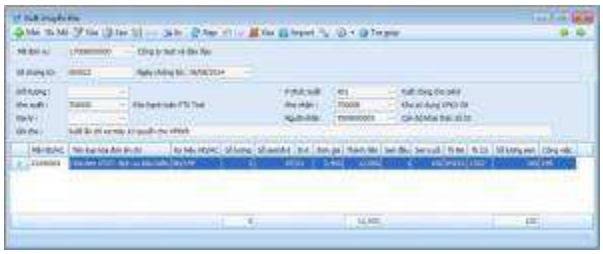

Màn hình minh họa: Phiếu xuất hóa đơn, ấn chỉ

Màn hình minh họa: Báo cáo NXT hóa đơn, ấn chỉ

QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Tổng quan

Với phân hệ Quản lý đầu tư chứng khoán của giải pháp FTS ERP, các loại chứng khoán của công ty được quản lý đầy đủ, mọi hoạt động mua bán, tồn kho chứng khoán bao gồm cổ phiếu, trái phiếu được quản lý chặt chẽ, cập nhật liên tục và đưa ra các báo cáo về tình hình lãi lỗ, nhập, xuất, tồn chứng khoán kịp thời. Từ đó giúp nhà quản trị có cái nhìn tổng quát và chi tiết nhất về hoạt động đầu tư chứng khoán của công ty và có những quyết định đầu tư chính xác nhất.

Quy trình nghiệp vụ

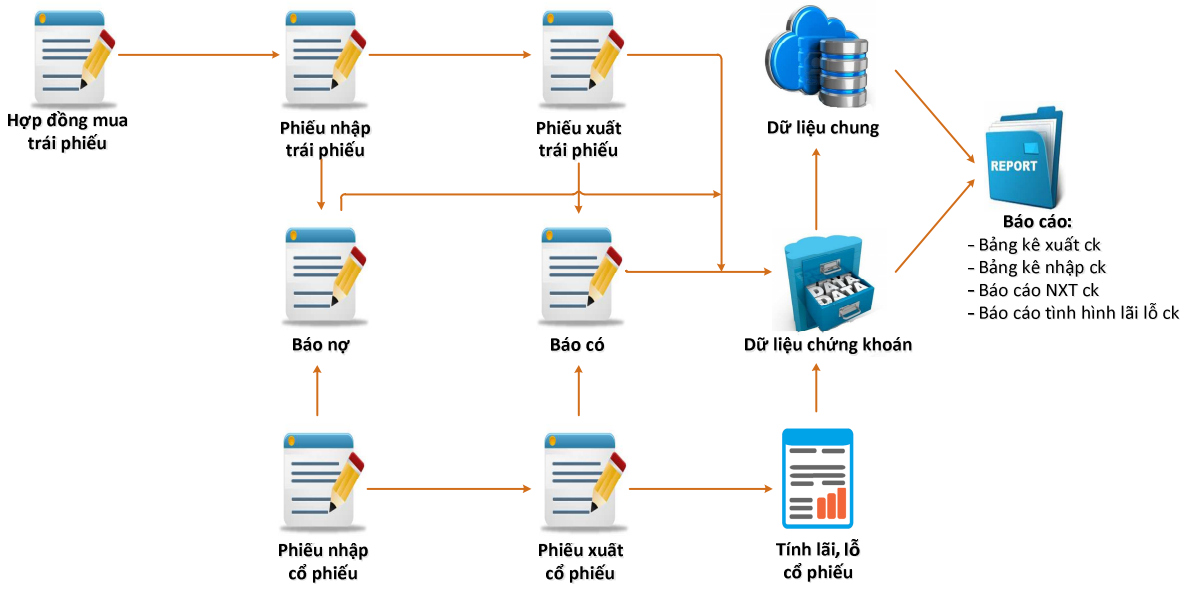

Chi tiết tính năng

- Quản lý các hoạt động mua bán chứng khoán, trái phiếu, cổ phiếu trên từng hợp đồng.
- Theo dõi thu tiền khi trái phiếu đến hạn thanh toán.
- Theo dõi nhập, xuất, tồn kho chứng khoán, trái phiếu, cổ phiếu cả về số lượng và giá trị của từng loại chứng khoán.
- Quản lý cổ tức, lãi cố phiếu và trái phiếu.
- Tính giá vốn cổ phiếu theo nhiều phương pháp: nhập trước xuất trước, bình quân cuối kỳ, bình tuân tại thời điểm,…
- Quản lý hiệu quả kinh doanh của từng loại cổ phiếu, trái phiếu.
- Đánh giá lại giá trị chứng khoán và trích lập dự phòng.
- Khóa sổ cuối kỳ nghiệp vụ.
- Lập và khai thác các báo cáo công nợ, nhập xuất tồn chứng khoán, lãi lỗ cho từng loại chứng khoán trong kỳ.

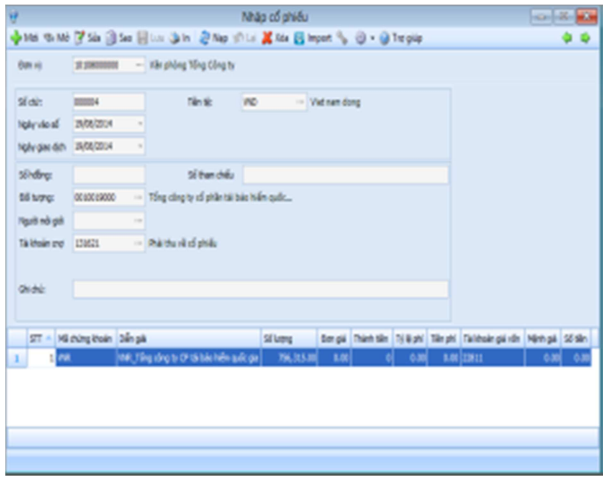

Màn hình minh họa: Nhập cổ phiếu

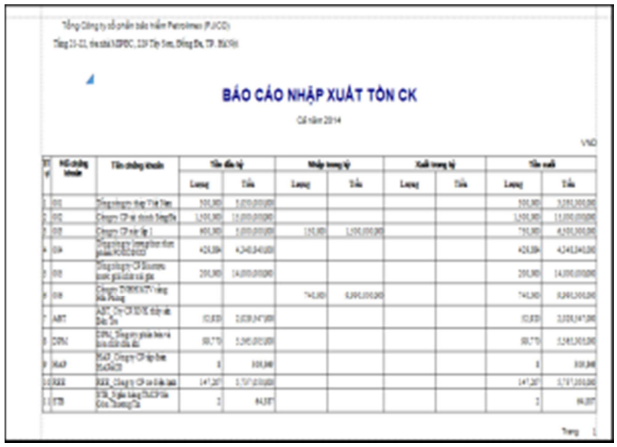

Màn hình minh họa: Báo cáo nhập xuất tồn chứng khoán

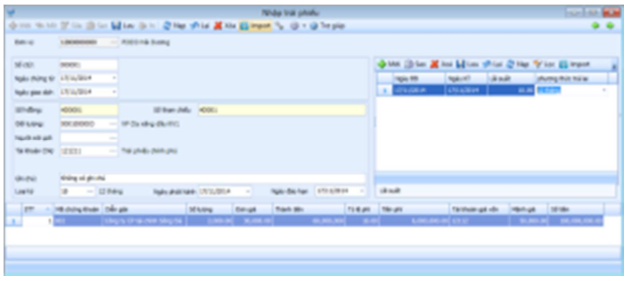

Màn hình minh họa: Nhập trái phiếu

HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ QUẢN TRỊ

Tổng quan

Điểm mạnh của giải pháp FTS ERP là mô hình quản lý tập trung, công ty mẹ với nhiều công ty con ở các vị trí khác nhau. Vì vậy việc hợp nhất báo cáo tài chính của các đơn vị con lên đơn vị mẹ là vô cùng cần thiết và quan trọng.

Chi tiết tính năng

Giải pháp của FTS cho phép hợp nhất báo cáo tài chính của các dơn vị con trong cùng hệ thống FTS và cả các đơn vị ngoài hệ thống FTS (đơn vị không sử dụng phần mềm FTS).

Với các đơn vị trong hệ thống FTS:

- Tại đơn vị con: hạch toán và lập báo cáo tài chính của đơn vị mình.
- Tại đơn vị mẹ:

- Tổng hợp tất cả chứng từ hạch toán của các đơn vị con.Không sử dụng biện pháp cộng ngang báo cáo mà lập báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên các chứng từ hạch toán của các đơn vị con.
- Bước 1: Chạy khử trùng các khoản trên tài khoản 136, 336, 512
- Bước 2: Tạo các bút toán điều chỉnh.

Với các đơn vị ngoài hệ thống: Sau khi đơn vị đã có báo cáo và nộp lên đơn vị mẹ, phần mềm cho phép tạo một màn hình báo cáo để đơn vị mẹ nhập các chỉ tiêu báo cáo của những đơn vị con này vào. Báo cáo hợp nhất tài chính cuối cùng được thực hiện bằng việc cộng nganh báo cáo hợp nhất tài chính của các đơn vị con trong hệ thống và báo cáo tài chính của đơn vị con ngoài hệ thống.

PHÂN HỆ PHÂN BỔ CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH

TẬP HỢP VÀ PHÂN BỔ CHI PHÍ

Cuối kỳ, trước khi tính giá thành, người dùng cần tập hợp và phân bổ các chi phí cho từng đối tượng tính giá thành. Chương trình có chức năng tập hợp chi phí tự động:

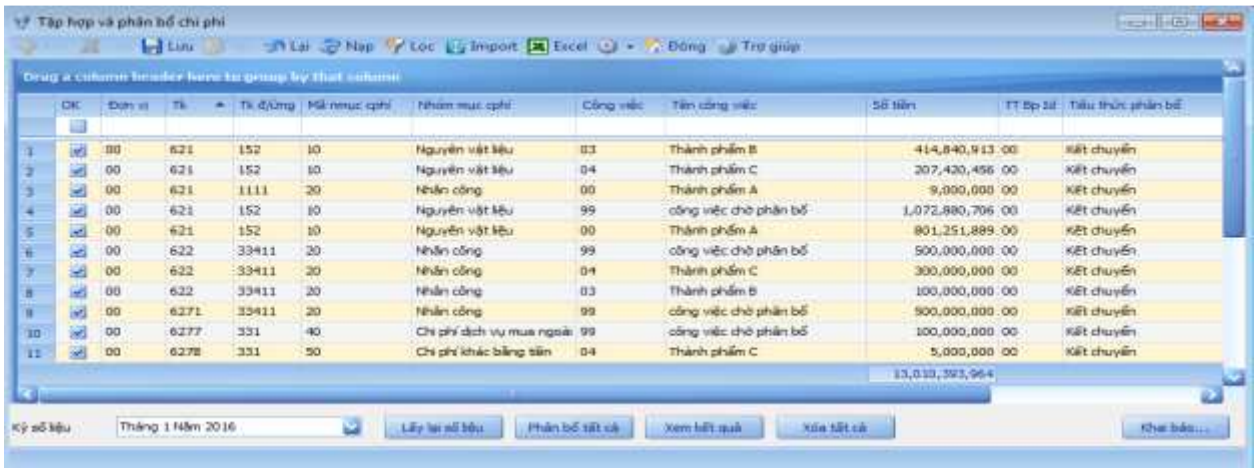

1. CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÂN BỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG NỔI BẬT

Khi tập hợp chi phí, những chi phí trực tiếp sẽ được kết chuyển vào đối tượng tính giá thành. Những chi phí chung cần phải được phân bổ. Chương trình cho phép người dùng chọn các phương pháp phân bổ chi phí chung rất đa dạng và nhiều chiều. Trong đó có các phương pháp phân bổ chi phí chung nổi trội như sau:

a. Phương pháp phân bổ theo tài khoản:

Chương trình cho phép người dùng phân bổ chi phí sản xuất chung theo một tài khoản (Chi phí được hạch toán trực tiếp vào tài khoản này chi tiết cho từng trung tâm chi phí). Có thể phân bổ theo nguyên vật liệu trực tiếp (Tài khoản 621), nhân công trực tiếp (622), doanh thu (511)…

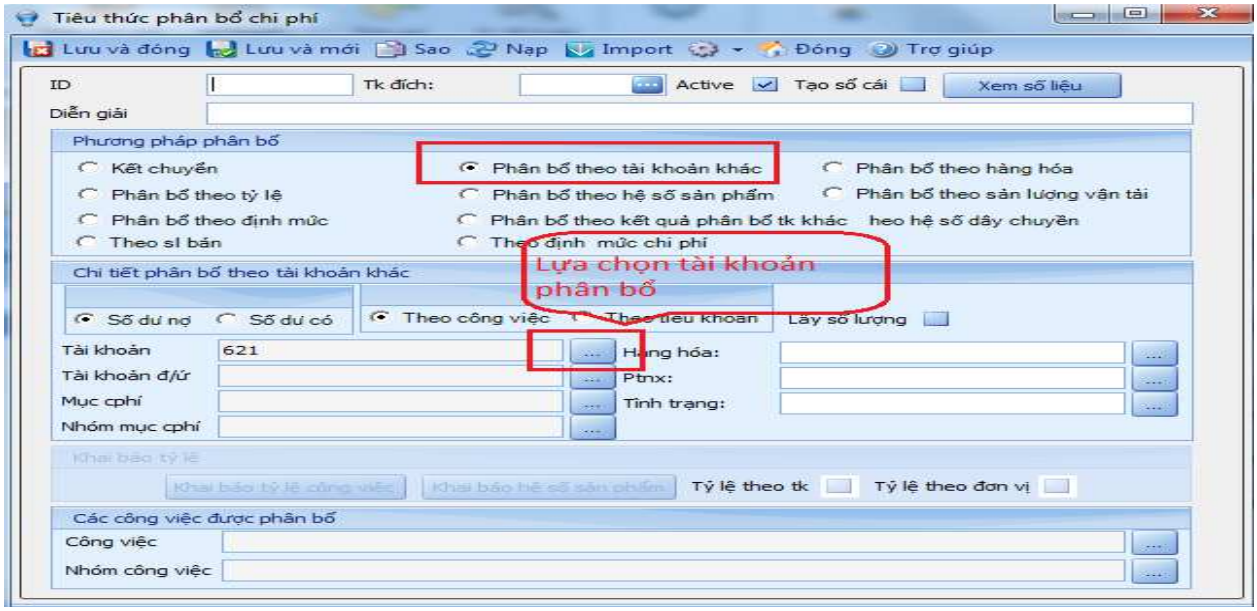

Công thức tính:

Chi phí phân bổ cho trung tâm chi phí A= (Tổng chi phí cần phân bổ x Chi phí phát sinh 621 của A)/ Tổng chi phí phát sinh của 621

b. Phương pháp phân bổ theo tỷ lệ:

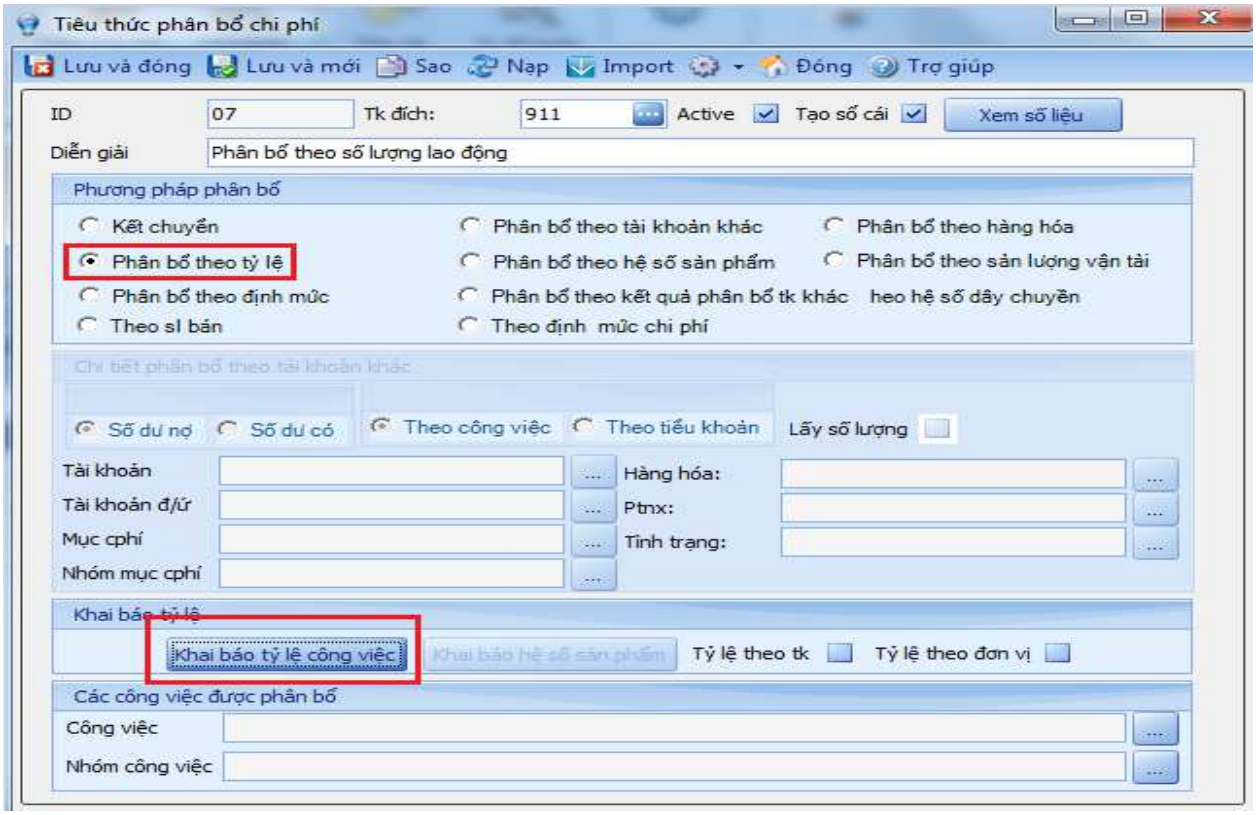

Với từng trung tâm chi phí, sẽ được khai một tỷ lệ riêng:

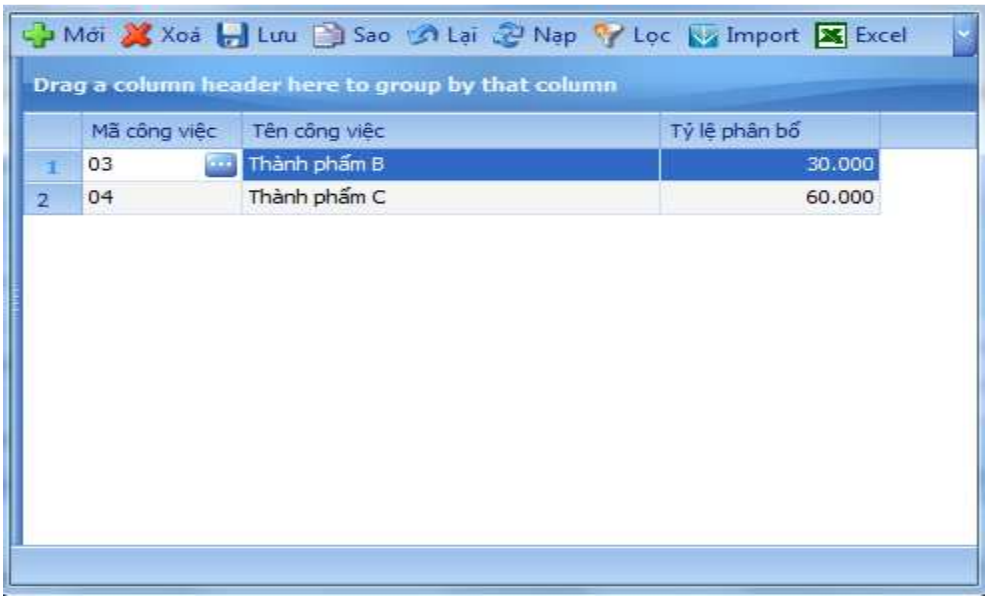

Công thức phân bổ chi phí sản xuất chung cho trung tâm chi phí A như sau bằng:

Tổng chi phí sản xuất chung cần phân bổ x Tỷ lệ của A/ Tổng tỷ lệ.

c. Phương pháp phân bổ theo hệ số sản phẩm

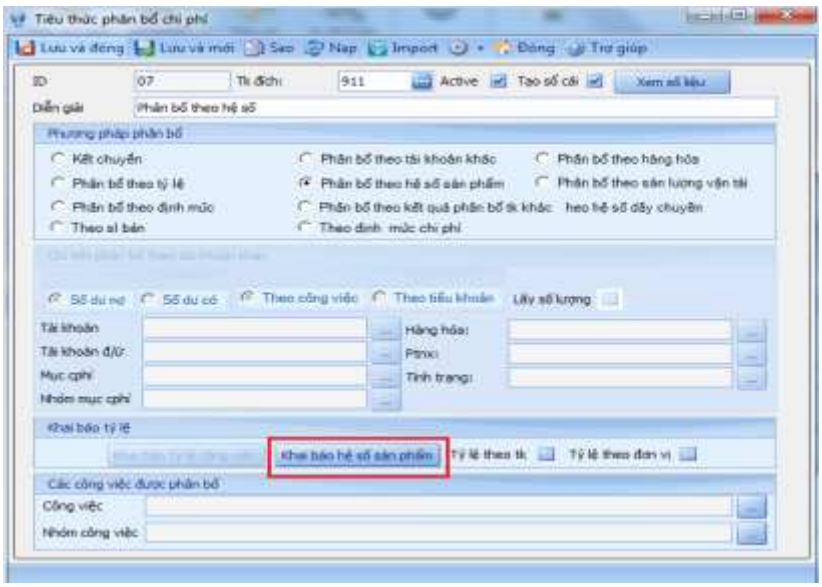

Tại phương pháp này, trước tiên chương trình sẽ quy đổi các sản lượng sản phẩm dở dang về sản phẩm tiêu chuẩn. Sau đó mỗi sản phẩm lại có một hệ số để phân bổ. Chương trình sẽ căn cứ vào sản lượng sản phẩm tiêu chuẩn và hệ số để tính ra tỷ lệ phân bổ cho từng sản phẩm. Cụ thể như sau:

Tỷ lệ phân bổ cho sản phẩm A = Hệ số của sản phẩm A x (Số lượng sản phẩm hoàn thành + Số lượng sản phẩm dở dang x tỷ lệ % hoàn thành)

Chi phí phân bổ cho sản phẩm A= Tổng chi phí cần phân bổ x tỷ lệ phân bổ cho sản phẩm A / Tổng tỷ lệ phân bổ cho các sản phẩm.

d. Các cách phân bổ khác

Ngoài các cách phân bổ trên, chương trình còn cung cấp các cách phân bổ theo:

- Phân bổ theo định mức nguyên vật liệu
- Phân bổ theo số lượng bán
- Phân bổ theo định mức chi phí
- Phân bổ theo kết quả phân bổ tài khoản khác
- Phân bổ theo hệ số dây truyền.

TÍNH GIÁ TRỊ DỞ DANG CUỐI KỲ

Phần này sẽ trình bày cách tính giá trị dở dang cuối kỳ theo các phương pháp chương trình hỗ trợ.

a. Phương pháp tính giá trị dở dang cuối kỳ theo nguyên vật chính

Sau khi tập hợp các chi phí cho từng đối tượng tính giá thành, chương trình sẽ tính chi phí dở dang cuối kỳ theo nguyên vật liệu chính với công thức tính như sau:

$$D_{CK} = \frac{D_{ĐK} + C_n}{Q_{SP} + Q_D} \times Q_D$$

Trong đó: D_{CK}, $D_{ĐK}$: Trị giá sản phẩm dở dang đang cuối kỳ và đầu kỳ.

C_n: Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp phát sinh trong kỳ.

Q_{SP}, Q_D: Sản lượng sản phẩm hoàn thành và sản lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ.

b. Phương pháp tính giá trị dở dang cuối kỳ theo sản lượng sản phẩm hoàn thành tương đương:

Trước tiên chương trình sẽ tính sản lượng sản phầm hoàn thành tương đương theo công thức:

$Q_{TĐ} = Q_D$ x %HT

$Q_{TĐ}$: Sản lượng sản phẩm hoàn thành tương đương

%HT: Tỉ lệ chế biến hoàn thành.

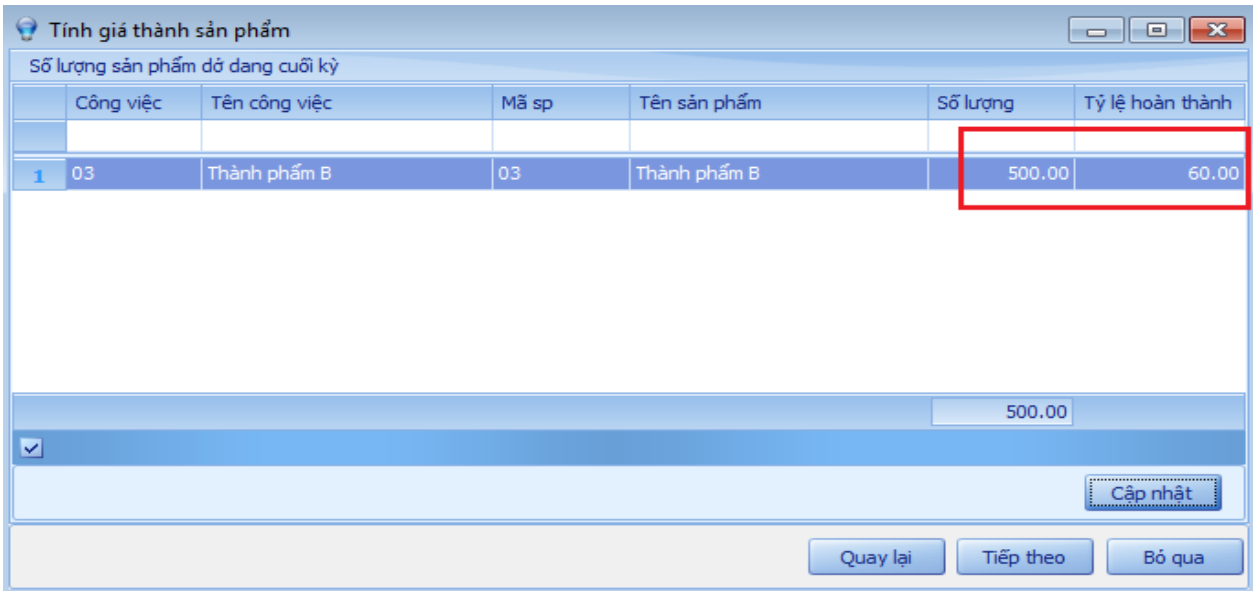

Sau đó sẽ tính toán xác định từng khoản mục chi phí cho sản phẩm dở dang:

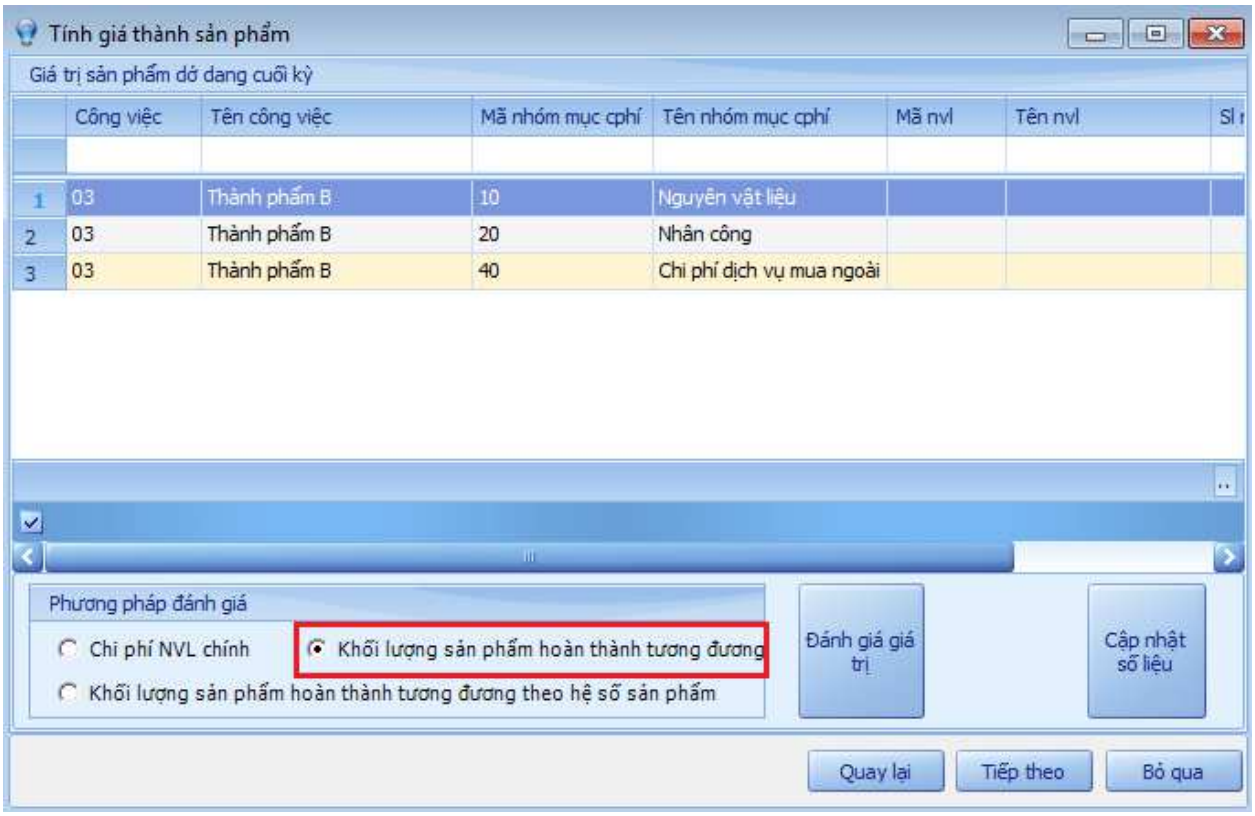

Theo nguyên tắc:

- Chi phí sản xuất bỏ vào từ đầu quy trình công nghệ sản xuất (như chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp hoặc chi phí nguyên liệu, vật liệu chính trực tiếp):

$$D_{CK} = \frac{D_{ĐK} + C_{m}}{Q_{SP} + Q_{TĐ}} \times Q_{D}$$

- Đối với các chi phí bỏ dần vào trong quá trình sản xuất chế biến (chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung):

$$D_{CK} = \frac{D_{ĐK} + C_{CF}}{Q_{SP} + Q_{TĐ}} \times Q_{TĐ}$$

CÁC PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ THÀNH

Sau khi tính được chi phí dở dang, chương trình sẽ tự động tính giá thành, sau đây là các phương pháp tính giá thành được hỗ trợ bởi hệ thống.

a. Phương pháp tính giá thành giản đơn (phương pháp trực tiếp):

Với phương pháp này, mỗi sản phẩm sẽ có một đối tượng tính giá thành riêng và các chi phí dành cho sản phẩm này sẽ được tập hợp vào đối tượng tính giá thành đó. Các chi phí sản xuất chung được phân bổ theo các tiêu thức đã trình bày ở trên. Sau khi tập hợp các chi phí cho từng đối tượng tính giá thành, chương trình sẽ tính giá thành theo công thức ở dưới:

Công thức tính:

$$Z = D_{ĐK} + C - D_{CK}$$

$$z = \frac{Z}{Q}$$

Trong đó:

Z (z): Tổng giá thành sản xuất thực tế hoặc giá thành đơn vị cuả sản phẩm, dịch vụ đã hoàn thành.

C: Tổng chi phí sản xuất đã tập hợp được trong kỳ theo từng đối tượng.

$D_{ĐK}$, D_{CK}: Trị giá của sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ (dở dang cuối kỳ đã được trình bày ở phần trên)

Q: Sản lượng sản phẩm, lao vụ hoàn thành.

b. Phương pháp tính giá thành theo hệ số:

Về cơ bản, khi dùng phương pháp tính giá thành theo hệ số sẽ chỉ có 1 đối tượng tính giá thành cho 1 nhóm sản phẩm. Để tính giá thành cho từng sản phẩm chương trình có chức năng khai báo hệ số cho từng sản phẩm, sau đó sẽ tính giá thành của sản phẩm tiêu chuẩn. Và giá thành của từng sản phẩm sẽ bằng giá thành sản phẩm tiêu chuẩn nhân với hệ số. Cụ thể cách chương trình tính toán như ở dưới:

Công thức:

$$Zi = \frac{D_{ĐK} + C - D_{CK}}{Q} \text{ x } QiHi$$

$$zi = \frac{Zi}{Qi}$$

Chương trình sẽ có chức năng để người dùng khai báo các hệ số cho các sản phẩm:

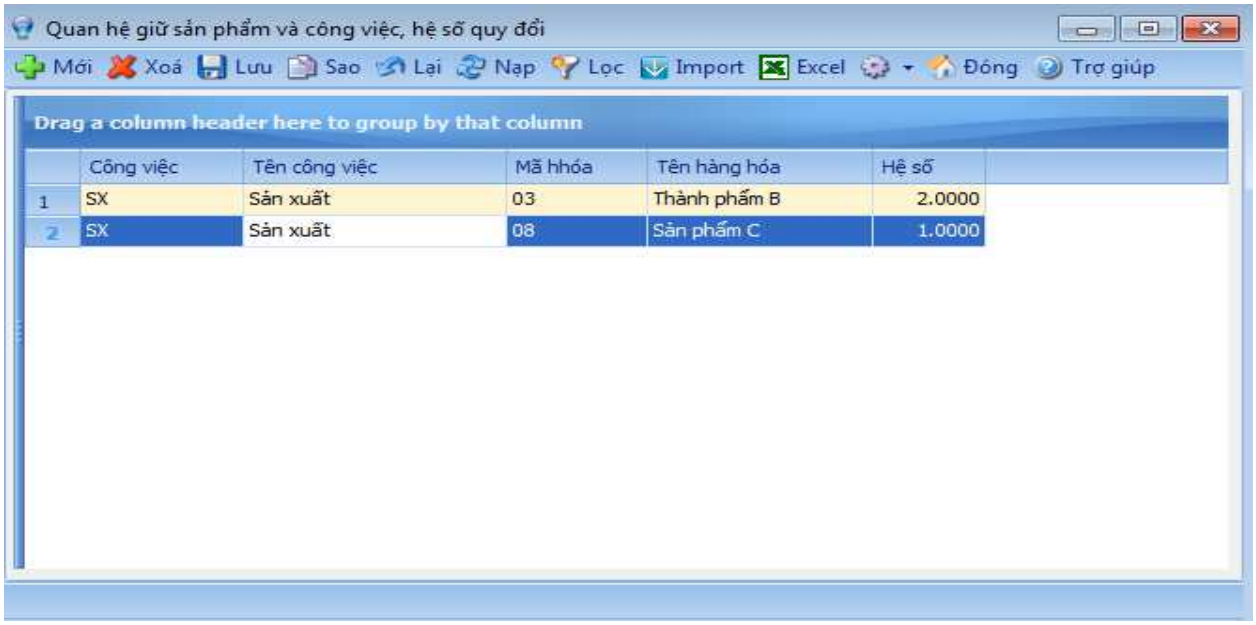

Q = ể QiHi.

Trong đó:

Q: Tổng số sản lượng sản phẩm thực tế hoàn thành quy đổi ra sản lượng sản phẩm tiêu chuẩn.

Qi: Sản lượng sản xuất thực tế của sản phẩm i.

Hi: Hệ số kinh tế, kỹ thuật của sản phẩm i.

c. Phương pháp tính giá thành có nhiều giai đoạn

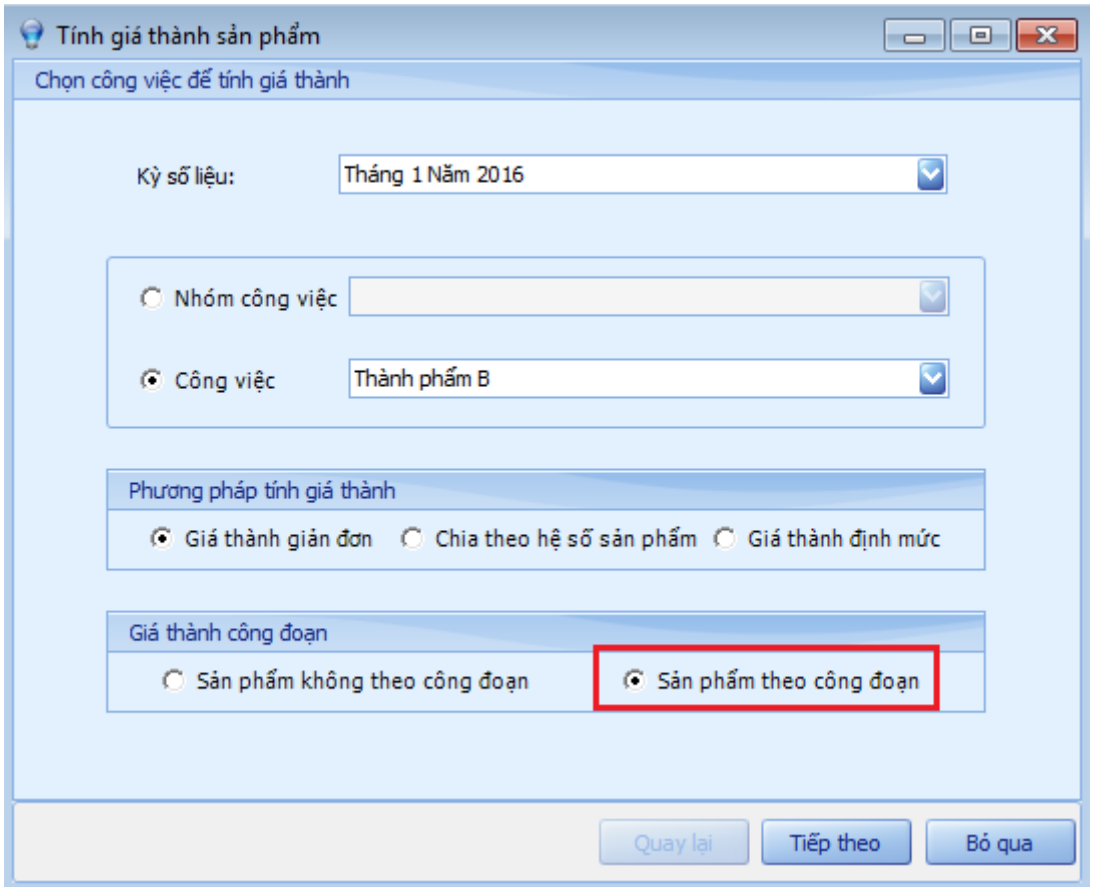

Căn cứ vào chi phí sản xuất đã tập hợp theo từng giai đoạn sản xuất, lần lượt tính tổng giá thành, giá thành đơn vị của nửa thành phẩm giai đoạn trước, sau đó kết chuyển sang giai đoạn sau một cách tuần tự cho đến giai đoạn cuối cùng để tính tổng giá thành và giá thành đơn vị. Trong đó, giá trị giai đoạn trước chuyển sang được coi như chi phí nguyên vật liệu của giai đoạn sau:

Công thức tính:

$$Z_1 = D_{ĐK1} + C - D_{CK1}$$

$$z_1 = \frac{Z_1}{Q_1}$$

Trong đó:

Z_1, z_1: Tổng giá thành và giá thành đơn vị của nửa thành phẩm hoàn thành giai đoạn I

C_1: Tổng chi phí sản xuất đã tập hợp ở giai đoạn I.

$D_{ĐK1}$, D_{CK1}: Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ và cuối kỳ giai đoạn I.

Q_1: Sản lượng nửa thành phẩm hoàn thành giai đoạn I

Căn cứ vào giá thành thực tế nửa thành phẩm của giai đoạn I chuyển sang giai đoạn II và các chi phí chế biến đã tập hợp được của giai đoạn II để tính tổng giá thành và giá thành đơn vị nửa thành phẩm hoàn thành của giai đoạn II.

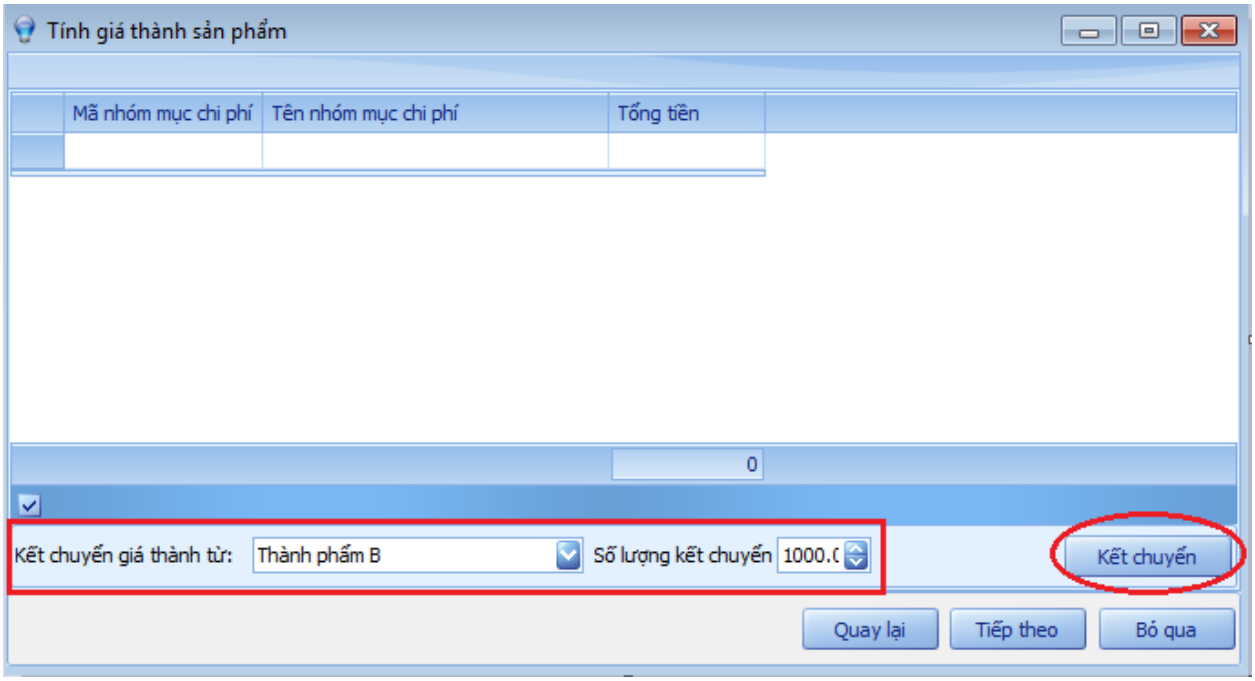

Công thức tính:

$$Z_2 = D_{ĐK2} + Z_1 + C_2 - D_{CK2}$$

$$z_2 = \frac{Z_2}{Q_2}$$

Cứ tuần tự như vậy cho đến khi tính giá thành thành phẩm:

$$Z_{TP} = D_{ĐKn} + Z_{n-1} + C_n - D_{CKn}$$

$$z_{TP} = \frac{Z_{TP}}{Q_{TP}}$$

d. Phương pháp tính giá thành theo định mức

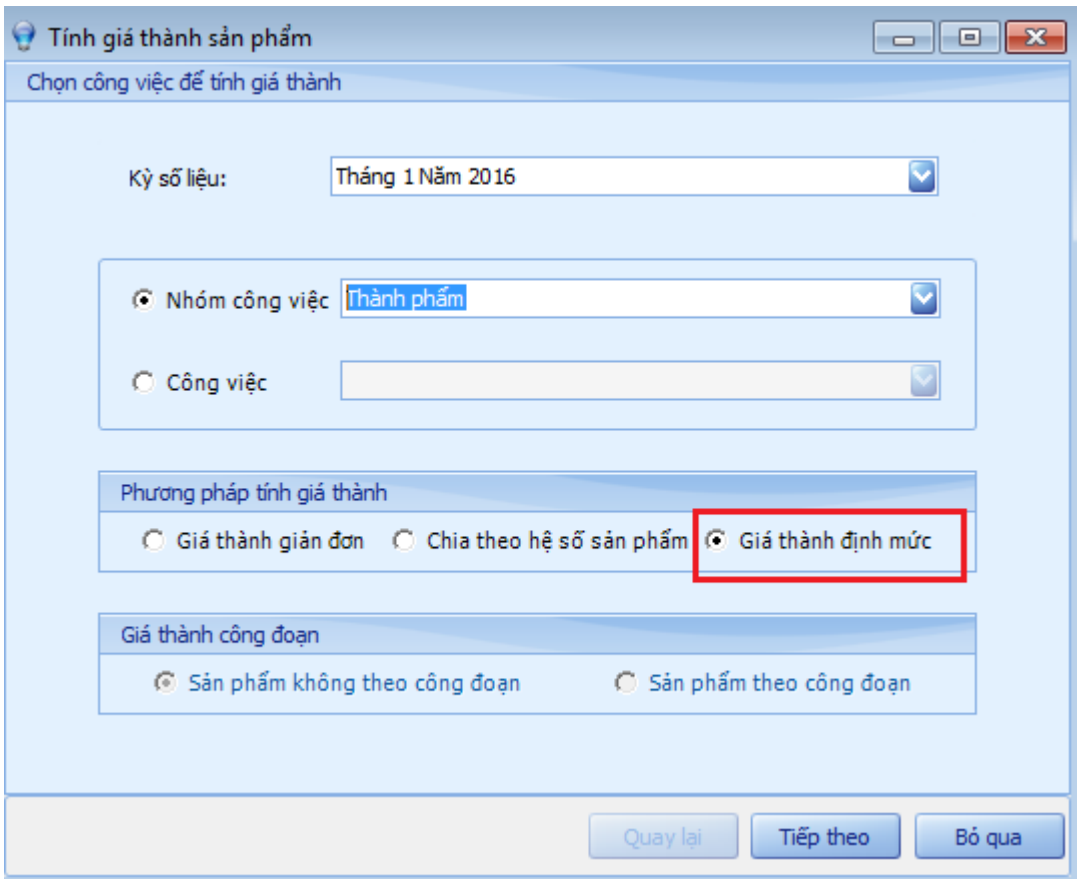

Tại phương pháp này, chương trình sẽ có chức năng khai báo định mức cho từng sản phẩm. Cuối kỳ, định mức giá thành này sẽ được nhân với số lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ để thành giá thành trong kỳ. Chênh lệch giữa chi phí thực tế và định mức chương trình sẽ tự động tính cho chi phí dở dang cuối kỳ.

CÁC TÍNH NĂNG QUẢN TRỊ

QUẢN TRỊ VỀ CÔNG NỢ

Chương trình cung cấp hệ thống quản trị công nợ, định mức công nợ cho từng đối tượng thông qua hợp đồng nguyên tắc. Tại đây người dùng có thể khai báo một đối tượng A có thể nợ được bao nhiêu tiền, trong khoảng thời gian bao nhiêu lâu, lãi suất khi quá hạn là bao nhiêu %.

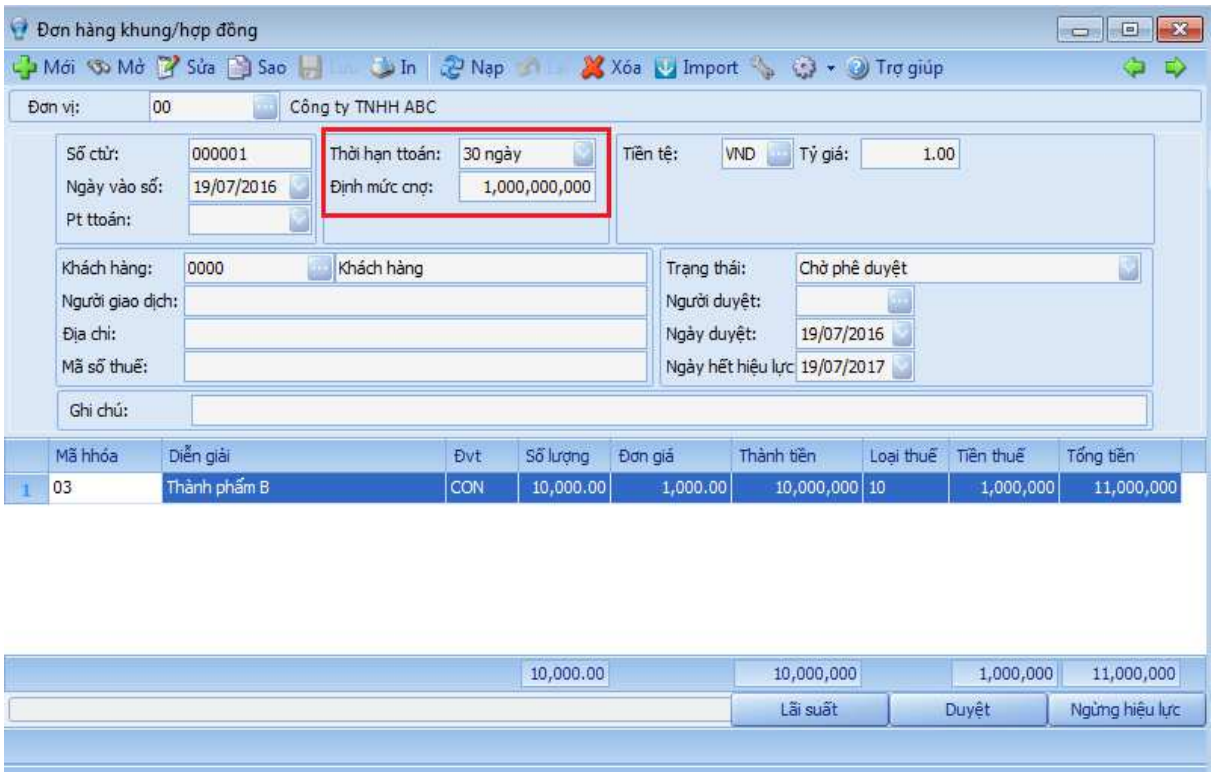

Sau đó, khi bán hàng, chương trình sẽ tính công nợ hiện tại đã quá định mức chưa, nếu quá định mức, chương trình sẽ cảnh báo hoặc chặn đơn hàng bán. Tuy nhiên, chương trình cung cấp chức năng "Bỏ qua định mức công nợ" cho các user quản trị để vẫn có thể bán hàng cho các đơn hàng quá định mức công nợ.

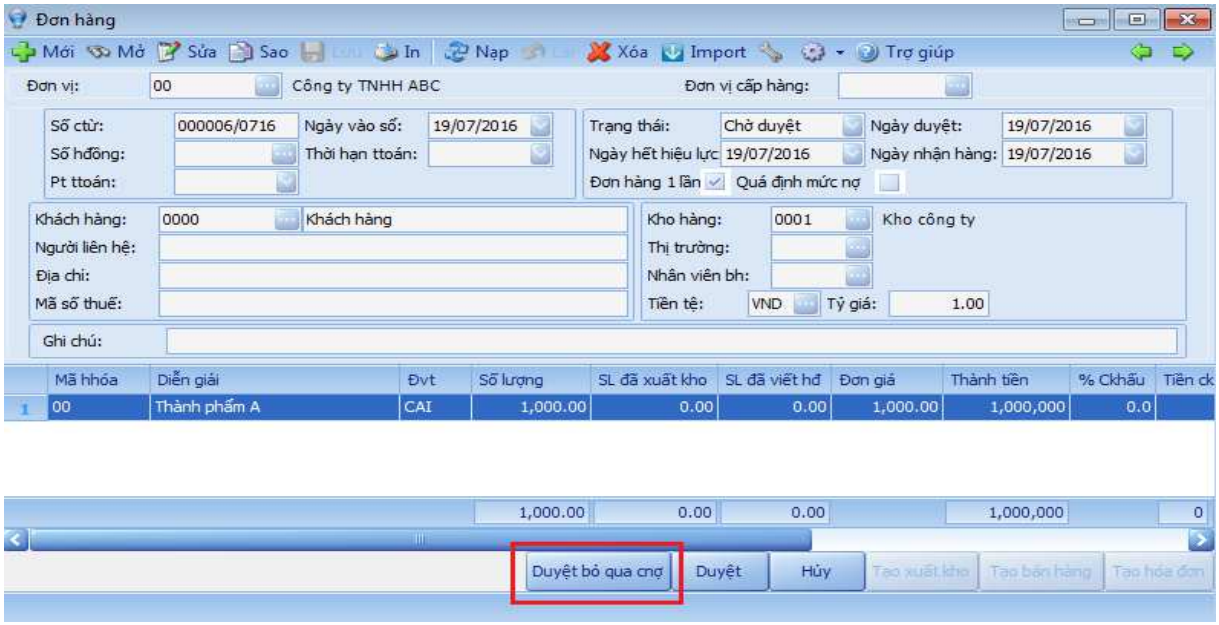

Khi thu tiền của khách hàng, người dùng có thể bóc tách chi tiết khoản thu đó cho từng hóa đơn.

Từ đó sẽ ra được các báo cáo tuổi nợ, báo cáo chi tiết thanh toán…:

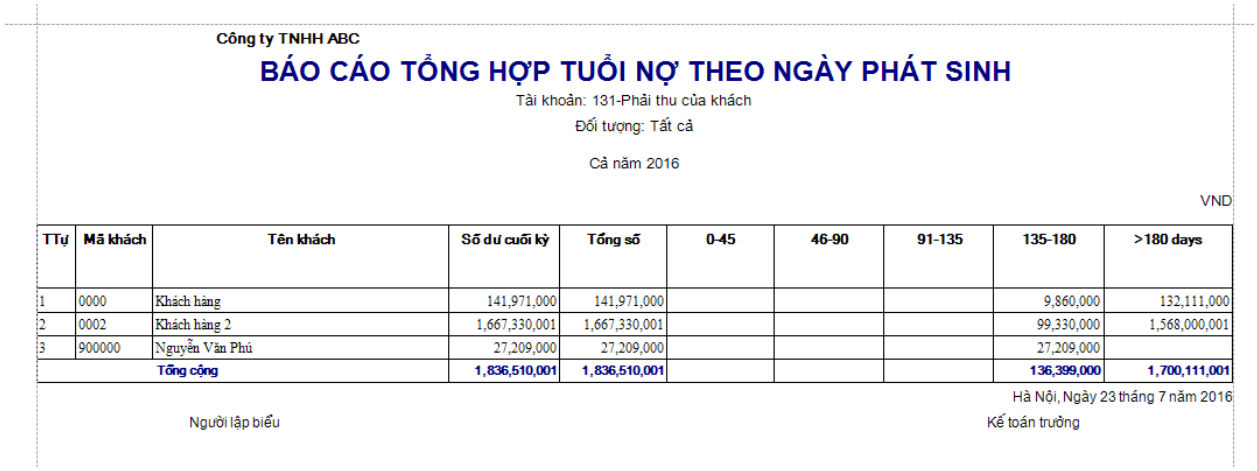

Công ty TNHH ABC

BÁO CÁO TỔNG HỢP TUỔI NỢ THEO NGÀY PHÁT SINH

Tài khoản: 131-Phải thu của khách

Đối tượng: Tất cả

Cả năm 2016

VND

TTự	Mã khách	Tên khách	Số dư cuối kỳ	Tổng số	0-45	46-90	91-135	135-180	>180 days
1	0000	Khách hàng	141,971,000	141,971,000				9,860,000	132,111,000
2	0002	Khách hàng 2	1,667,330,001	1,667,330,001				99,330,000	1,568,000,001
3	900000	Nguyễn Văn Phú	27,209,000	27,209,000				27,209,000	
		Tổng cộng	**1,836,510,001**	**1,836,510,001**				**136,399,000**	**1,700,111,001**

Hà Nội, Ngày 23 tháng 7 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

QUẢN TRỊ VỀ CHI PHÍ VÀ CÁC BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Quản trị chi phí theo kế hoạch

Chương trình có các chức năng quản trị chi phí theo kế hoạch đề ra từ đó chương trình sẽ so sánh với các chi phí thực tế phát sinh trong tháng để báo cáo chênh lệch.

Người dùng có thể khai kế hoạch chi phí theo nhiều chiều:

- Kế hoạch chi phí có thể khai theo tháng, quý, năm
- Kế hoạch chi phí có thể khai theo từng đơn vị, công ty con, chi nhánh,…
- Kế hoạch chi phí có thể khai theo từng tài khoản, dự án, công việc, mục chi phí, sản lượng cho từng sản phẩm.

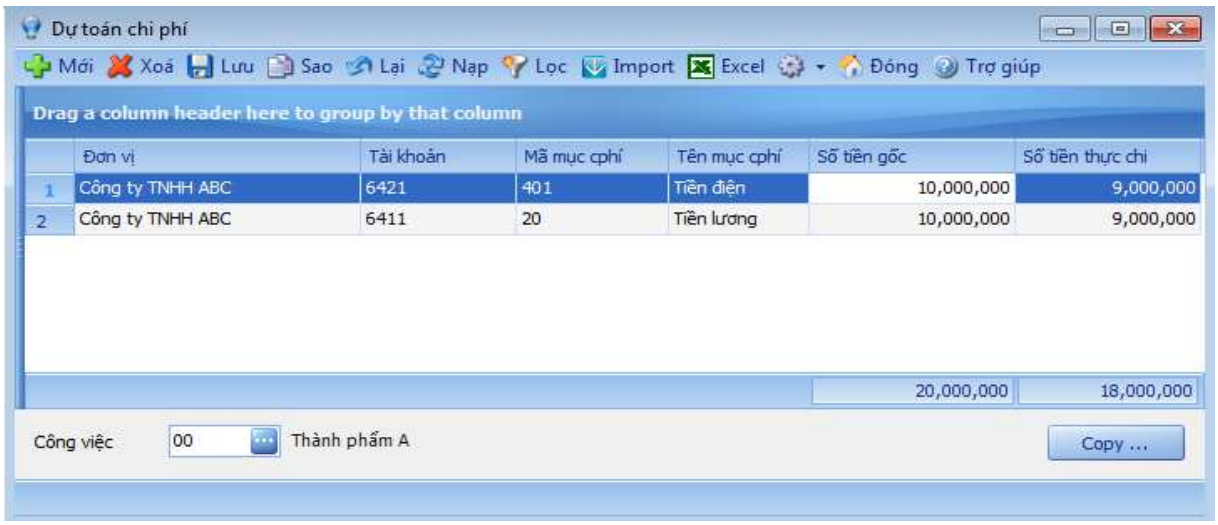

Phân bổ các chi phí quản lý chung, chi phí bán hàng

Chương trình cũng cung cấp chức năng phân bổ các chi phí quản lý, chi phí bán hàng, các chi phí khác trong doanh nghiệp cho từng trung tâm chi phí theo các tiêu thức phân bổ đã trình bày ở trên.

Việc phân bổ chi phí cũng có các cấp phân bổ khác nhau, linh động theo mô hình quản trị của từng doanh nghiệp, ví dụ:

- Người dùng có thể phân bổ chi phí chung của nhóm sản phẩm cho từng sản phẩm.
- Người dùng có thể phân bổ chi phí chung cho từng loại hình kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Người dùng có thể phân bổ chi phí chung cho từng miền.
- Người dùng có thể phân bổ chi phí chung cho từng kênh bán hàng.
- Người dùng có thể phân bổ chi phí chung của toàn bộ doanh nghiệp cho từng chi nhánh, công ty con…

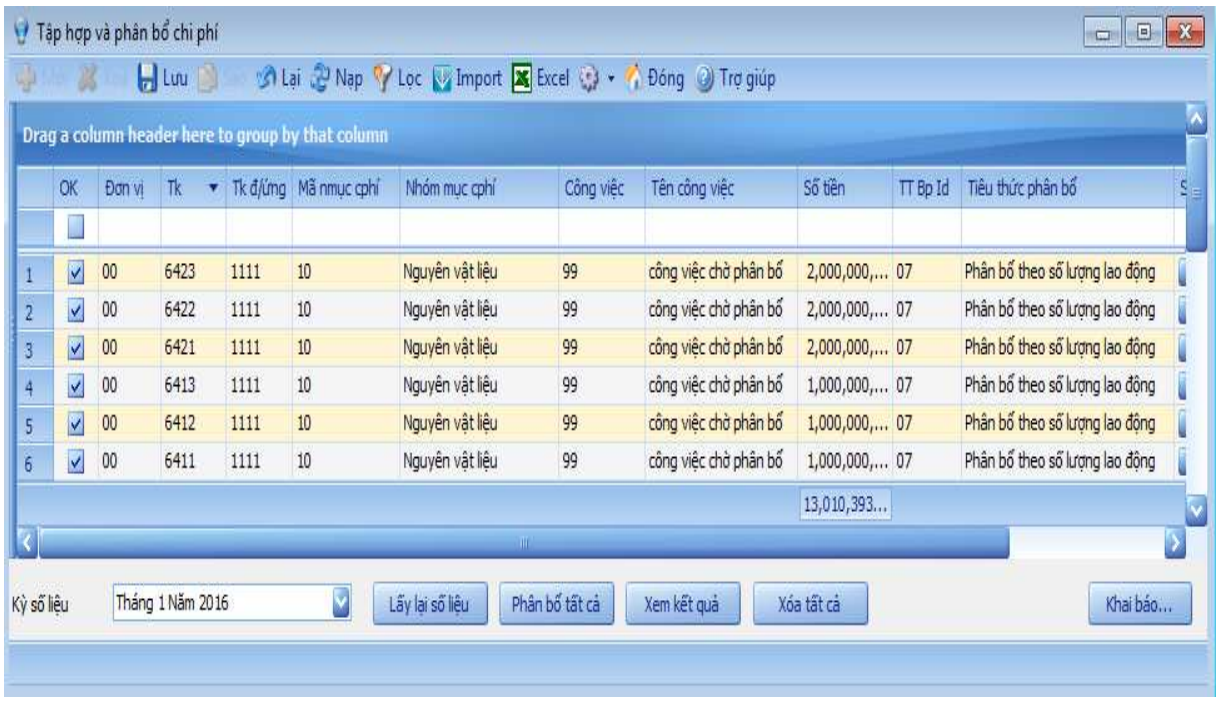

CÁC BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Tính năng cho phép khai báo các chỉ tiêu số liệu quản trị đa chiều:

- Có thể khai thác các báo cáo theo đơn vị: ví dụ như xem báo cáo lãi lỗ cho từng đơn vị, công ty con, chi nhánh …
- Có thể khai thác báo cáo theo từng dự án công trình: Ví dụ xem báo cáo lãi lỗ xem công trình A, dự án B lãi/ lỗ bao nhiêu tiền
- Có thể khai thác báo cáo theo từng mảng kinh doanh
- Có thể khai thác báo cáo theo từng vùng miền…
- Hoặc có thể khai thác báo cáo theo các chiều đan xen nhau: Ví dụ tại đơn vị A, với mảng kinh doanh B, tại thị trường Z thì có lãi / lỗ bao nhiêu tiền…

Tùy theo từng cách quản trị của doanh nghiệp mà sẽ có những chiều (hoặc phân cấp các chiều) và khai thác dữ liệu báo cáo theo các chiều khác nhau.

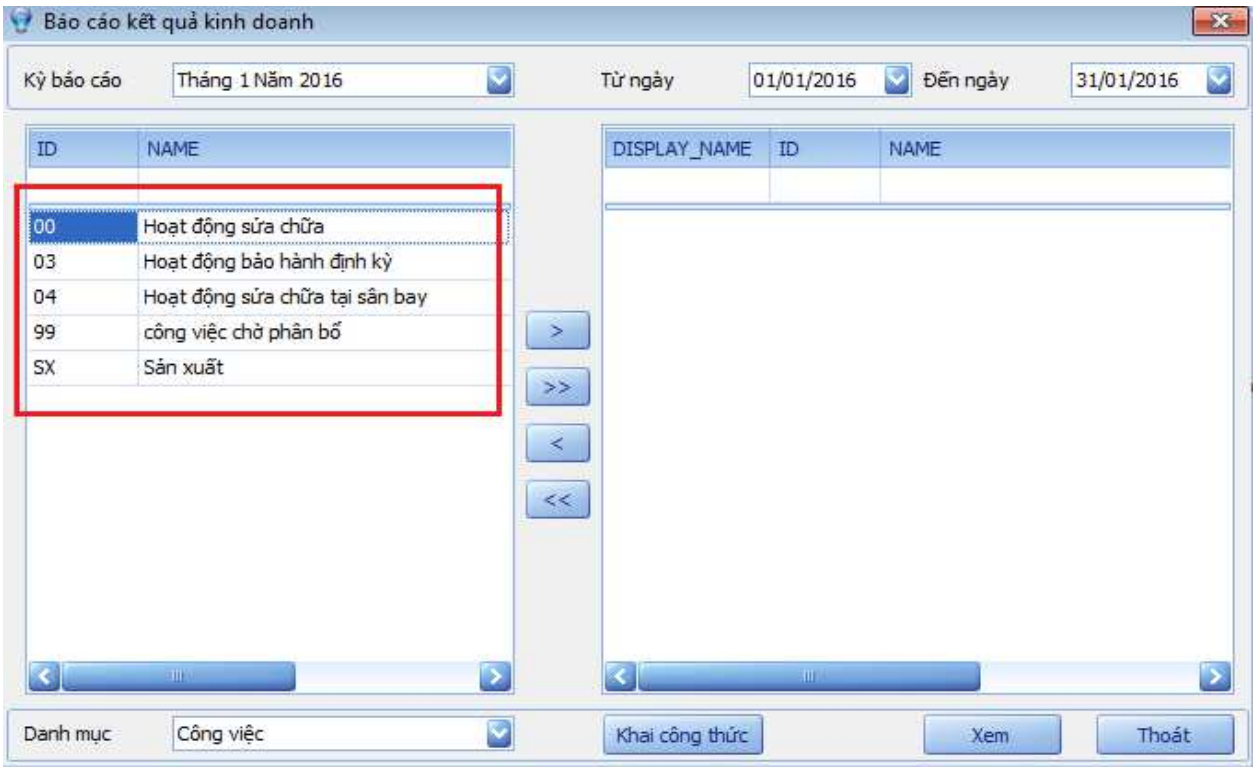

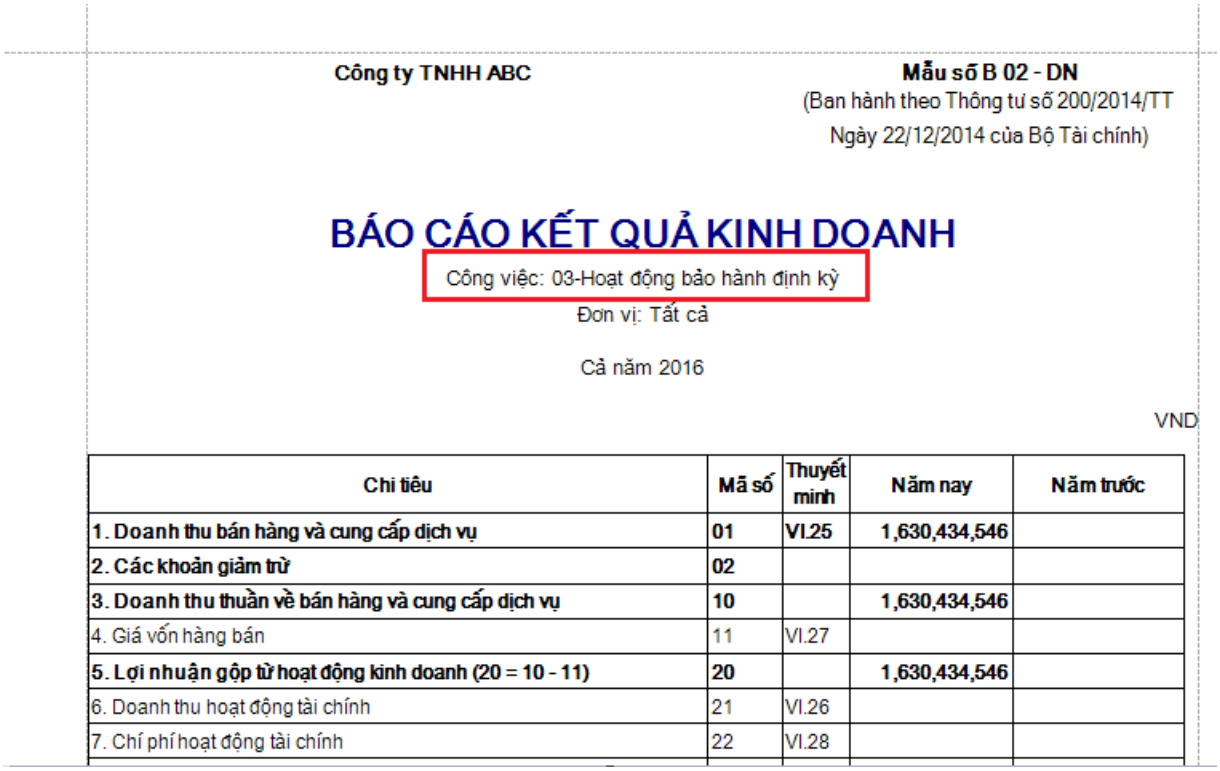

Công ty TNHH ABC

Mẫu số B 02 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Công việc: 03-Hoạt động bảo hành định kỳ
Đơn vị: Tất cả

Cả năm 2016

VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.25**	**1,630,434,546**	
2. Các khoản giảm trừ	**02**			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**1,630,434,546**	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27		
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	**20**		**1,630,434,546**	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26		
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.28		

Các chỉ tiêu tài chính

Báo cáo trong chương trình là những báo cáo linh động: Có thể khai báo, đặt công thức cho từng chỉ tiêu tài chính hoặc chỉ tiêu theo công thức của doanh nghiệp. Vì thế hệ thống báo cáo sẽ đáp ứng đầy đủ hệ thống báo cáo quản trị của doanh nghiệp

Công ty TNHH ABC

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Cả năm 2016

VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn			
Hệ số tự trả nợ			
Hệ số TSCĐ			
Doanh thu thuần			
Gía vốn			
Lợi nhuận sau thuế			
Tỷ suất lợi nhuận gộp			
Tỷ suất sinh lời của tài sản			

Hà Nội, Ngày 23 tháng 7 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU | KẾ TOÁN TRƯỞNG | GIÁM ĐỐC

PHÂN HỆ QUẢN LÝ NHÂN SỰ TIỀN LƯƠNG

QUẢN LÝ TUYỂN DỤNG

Tổng quan:

- Là công cụ hỗ trợ đắc lực cho việc quản lý, lưu trữ, tìm kiếm, đánh giá, sàng lọc hồ sơ ứng viên.
- Công tác tuyển dụng được quy trình hóa một cách hoàn chỉnh từ khâu lập kế hoạch, tiếp nhận yêu cầu, nhập thông tin ứng viên, thi tuyển cho đến khi kết thúc tuyển dụng, chuyển ứng viên đạt sang bộ phận thử việc.

Quy trình:

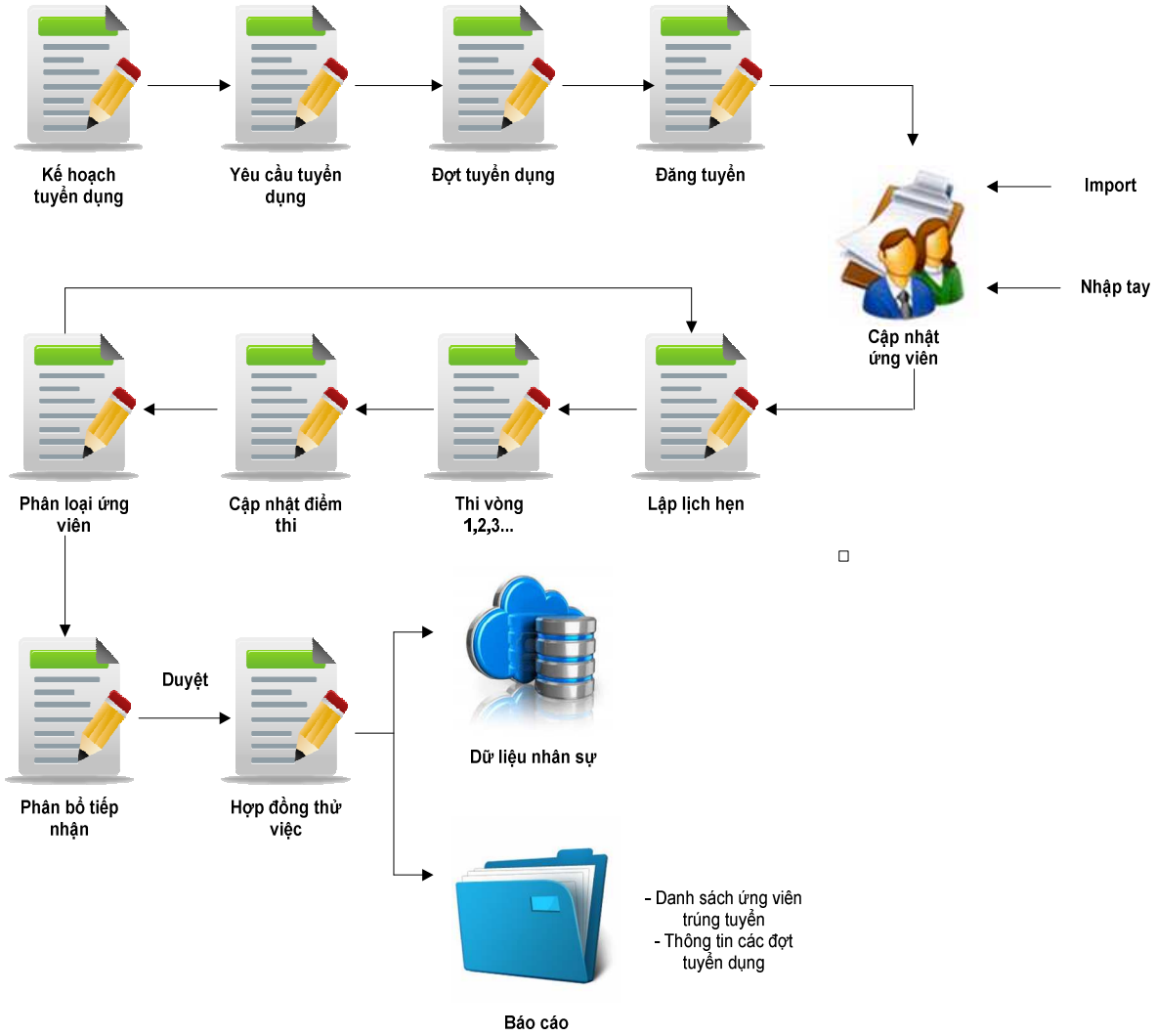

Chức năng của phân hệ:

- Kế hoạch tuyển dụng: cho phép thiết lập nội dung tuyển dụng theo từng vị trí, số vòng thi, tên vòng tuyển dụng, nội dung thi tuyển, điểm chuẩn, trọng số …..
- Quản lý đợt tuyển dụng: Cho phép tạo mới và quản lý từng đợt tuyển dụng bao gồm : mã đợt, tên đợt, tên vị trí tuyển, số lượng tuyển cán bộ tuyển dụng, ngày bắt đầu và ngày kết thúc, yêu cầu của từng vị trí….
- Phần mềm hỗ trợ quản lý chi phí cho từng đợt tuyển dụng.
- Quản lý thông tin ứng viên: cho phép nhập thêm hồ sơ ứng viên, phần mềm hỗ trợ lấy danh sách ứng viên từ nhiều nguồn: website, …. Cho phép chuyển vị trí ứng tuyển cho từng ứng viên.
- Lập lịch hẹn cho từng ứng viên : Phần mềm hỗ trợ gửi email, in phiếu hẹn lich tuyển dụng đến từng ứng viên…

Màn hình quản lý đợt tuyển dụng

- Đánh giá phân loại ứng viên: Cho phép ựa chọn ứng viên theo nhu cầu của nhà tuyển dụng.
- Phân bổ và tiếp nhận: bao gồm ứng viên chờ phân bổ và ứng viên chờ duyệt. Trong phần này phần mềm hỗ trợ tạo hợp đồng thử việc và chuyển sang dữ liệu nhân sự.
- Hệ thống báo cáo….

QUẢN LÝ HỒ SƠ NHÂN SỰ

Tổng quan:

- Giúp quản lý toàn diện thông tin của người lao động từ ngày vào công ty cho đến khi nghỉ việc.
- Là công cụ hỗ trợ đắc lực cho nhà quản lý theo dõi về tình trạng hợp đồng, chế độ cho người lao động, phần mềm đưa ra các cảnh báo đến hạn nâng lương, hết hạn hợp đồng….
- Cung cấp nhiều tiện ích về tìm kiếm hồ sơ, tìm kiếm thông tin người lao động một cách nhanh chóng dễ dàng.
- Giao diện trực quan sinh động giúp người sử dụng dễ dàng trong quản lý nhân sự.

Quy trình:

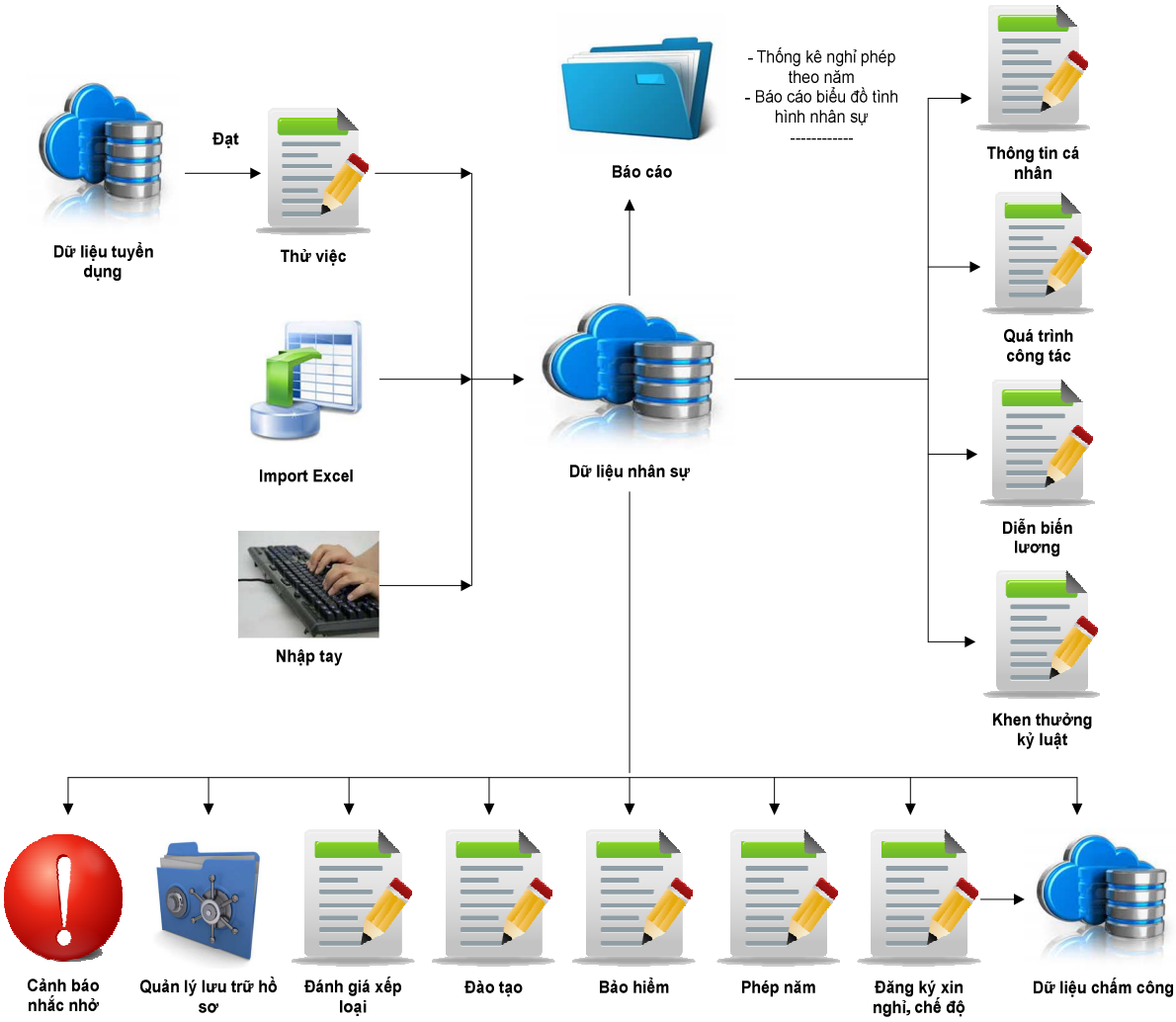

Màn hình giao diện nhân sự

Chức năng của phân hệ:

- Cập nhật thông tin hồ sơ nhân viên
- Quản lý danh sách nhân viên hiện tại theo phòng an, trạng thái, tình trạng hợp đồng. Phần mềm cho phép tìm kiếm nhân viên theo trạng thái, theo tình trạng hợp đồng.....
- Chức năng cảnh báo: Mỗi khi login vào phần mềm hiển thị màn hình cảnh báo nhân viên hết hạn hợp đồng, nhân viên sinh nhật theo ngày...
- Quản lý thông tin lưu trữ hồ sơ nhân viên: Cho phép người sử dụng cập nhật vị trí lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên.

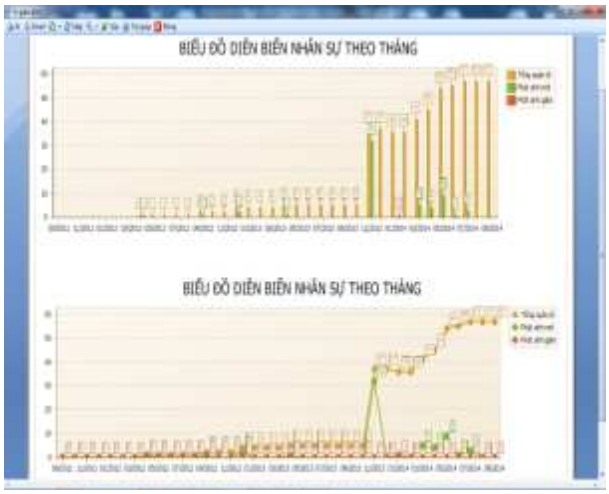

Màn hình báo cáo biểu đồ diễn biến nhân sự

- Quản lý khen thưởng kỷ luật.
- Hệ thống báo cáo…

- Theo dõi quản lý thông tin nhóm lương, bậc lương. Quá trình nâng lương, nâng bậc. Cảnh báo danh sách cán bộ nhân viên đến hạn nâng lương, nâng bậc…
- Quản lý thay đổi chức vụ, các loại phụ cấp, lương tùy theo chức vụ kiêm nhiệm, vị trí công việc thay đổi.
- Quản lý các quyết định: gia hạn thử việc, điều chuyển, bổ nhiệm, thôi việc, điều chỉnh lương…
- Quản lý đăng ký các chế độ xin nghỉ: đăng ký nghỉ phép, ốm, thai sản… Đăng ký chế độ đi làm ưu tiên: con nhỏ, việc đặc biệt…
- Quản lý thông tin về sổ báo hiểm, mã số thuế, số tài khoản ngân hàng.
- Quản lý thông tin về quan hệ gia đình, đối tượng giảm trừ thuế thu nhập cá nhân.

QUẢN LÝ CHẤM CÔNG

Tổng quan:

- Giải quyết triệt để bài toán chấm công phù hợp với mọi loại hình doanh nghiệp.
- Giúp quản lý chi tiết thời gian làm việc của từng nhân viên, tránh tình trạng tính sai công cho người lao động.Cho phép kết nối với các thiết bị chấm công đã được thiết lập để lấy dữ liệu vào ra hàng ngày của nhân viên, tính toán thời gian vào ra, đi muộn về sớm, thời gian làm thêm giờ, cho phép sửa đổi bổ sung lần quẹt bù giờ hành chính cho nhân viên….

Chức năng của phân hệ :

- Quản lý thiết bị máy chấm công: Cho phép khai báo kết nối đến các máy chấm công thông dụng nhất trên thị trường hiện nay.
  Cho phép thiết lập các ca làm việc trong ngày: giờ ra, giờ vào, thời gian nghỉ giữa ca, thời gian được tính làm thêm giờ…Cho phép phân ca chi tiết theo từng tổ đội, phòng ban công ty.

Màn hình phân ca cho từng phòng ban

- Quản lý thông tin vào ra: Cho phép nhân viên cập nhật thông tin xin nghỉ: thời gian nghỉ, lý do xin nghỉ, người có trách nhiệm quản lý phê duyệt thông tin xin nghỉ của nhân viên.
- Quản lý đi muộn, về sớm, vi phạm chính sách
- Quản lý đăng ký nghỉ, làm thêm, làm bù, thai sản. Cho phép khai báo ngày lễ, tết, kỷ niệm hàng năm theo chế độ và công ty.
- Tính toán tổng công làm việc, làm thêm giờ…

  Hệ thống báo cáo.

Báo cáo chấm công tháng

Quy trình:

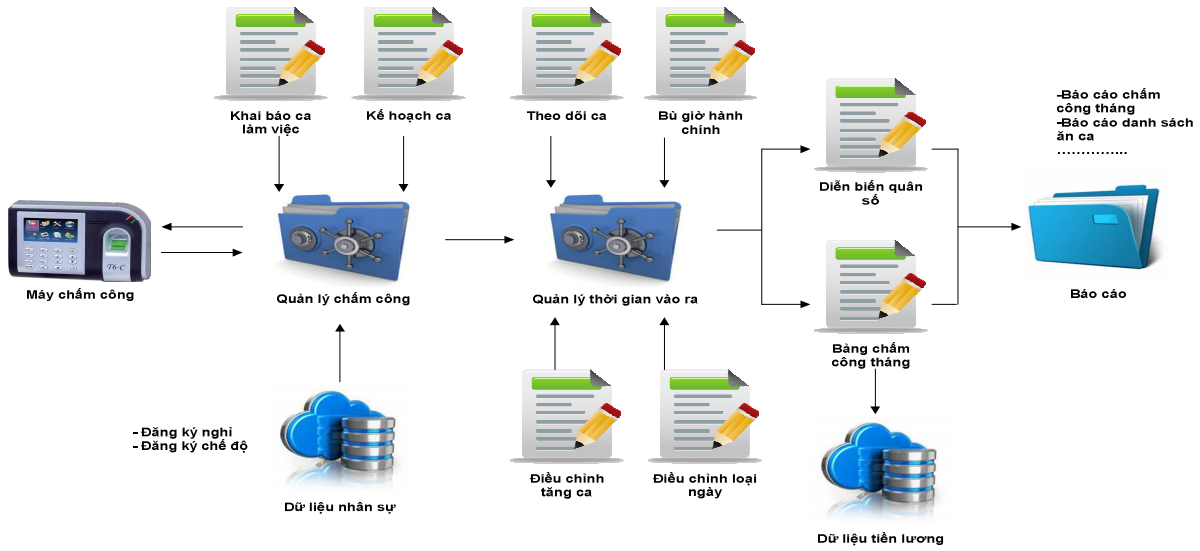

QUẢN LÝ TIỀN LƯƠNG

Tổng quan:

- Cho phép người dùng tự định nghĩa các tham số, thiết lập công thức, nhập các hệ số, mức lương, mức thưởng…Do đó giúp cho người sử dụng có thể hoàn toàn chủ động và linh hoạt khi sử dụng.
- Tính toán chi tiết các loại lương trong danh mục loại lương như: Lương thời gian, lương sản phẩm, lương làm thêm giờ, phụ cấp các loại,…
- Phần mềm cung cấp các chức năng tiện ích : Làm lệnh chuyển khoản, gửi phiếu lương qua email, in phiếu lương cho người lao động.

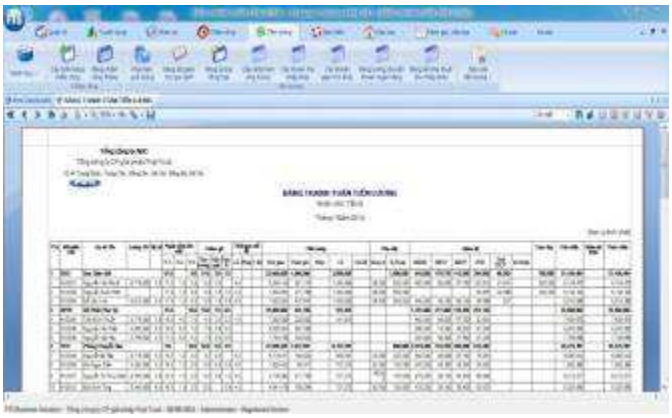

Bảng thanh toán tiền lương tháng

Phiếu lương tháng của từng nhân viên

Chức năng của Phân hệ:

- Cập nhật và quản lý các loại công theo tháng: Công thời gian, công ngày lễ, công thêm giờ, công nghỉ phép, nghỉ việc riêng, ...
- Tính lương theo nhiều kiểu khác nhau:
    - Tính lương theo các loại công thời gian
    - Tính lương sản lượng sản phẩm
    - Tính lương và phân bổ lương theo quỹ lương.
- Khai báo đơn giá các loại lương theo chức vụ, theo từng nhân viên
- Kết nối với phân hệ chấm công để tính toán công làm việc, công làm thêm giờ, công nghỉ theo chế độ, công đi học tập,….
- Khai báo và tính các loại phụ cấp
- Khai báo và tính các loại giảm trừ
- Quản lý trích nộp bảo hiểm
- Quản lý thuế thu nhập cá nhân: Cho phép khai báo mức đóng và tỷ lệ thuế thu nhập theo ngày hiệu lực. Quản lý khoản thu nhập khác.
- Hệ thống báo cáo.

Quy trình:

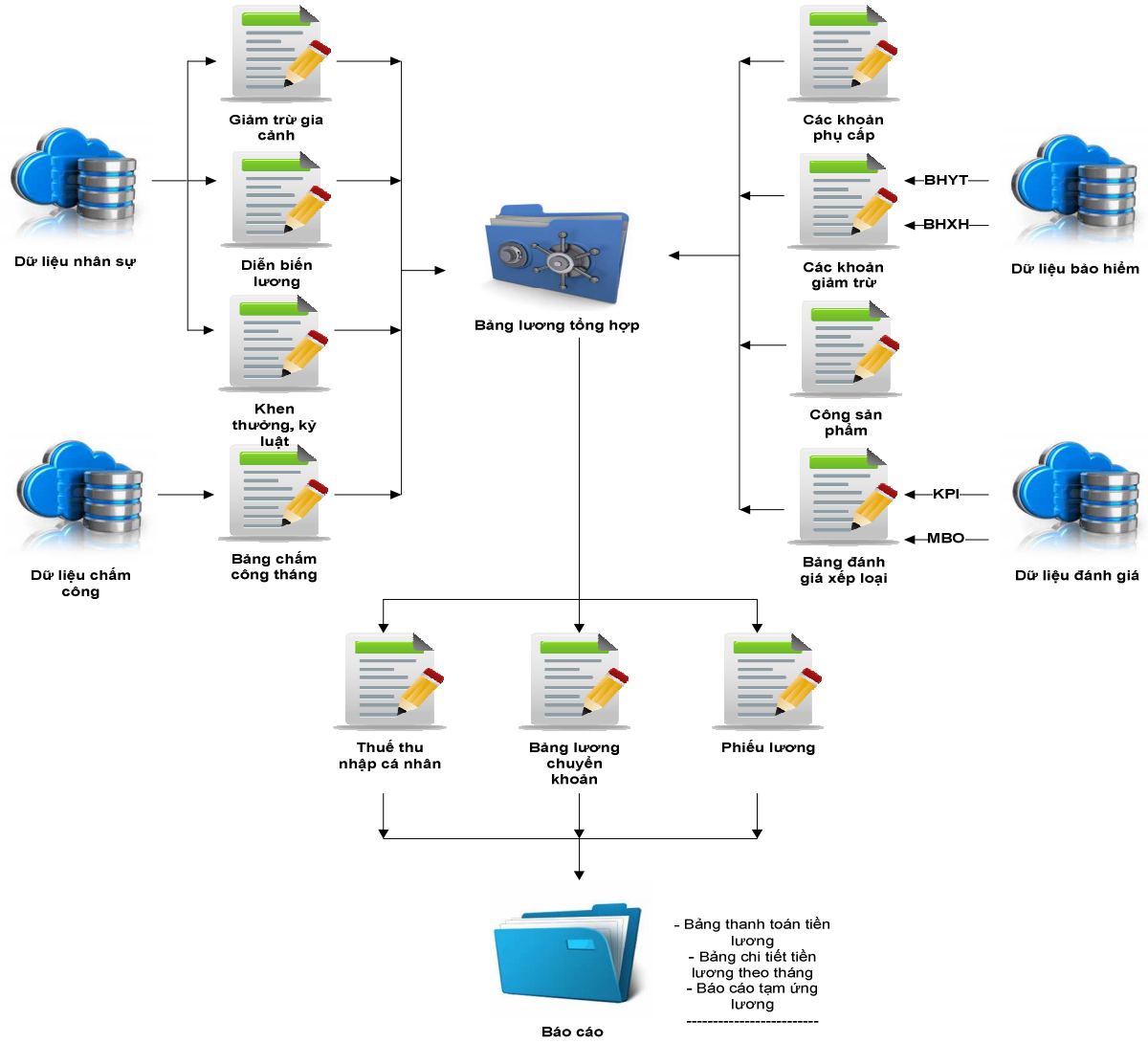

QUẢN LÝ BẢO HIỂM

Tổng quan:

- Là công cụ hỗ trợ đắc lực người làm bảo hiểm quản lý từng đợt phát sinh tăng giảm bảo hiểm của doanh nghiệp.
- Tổng hợp chi tiết mức đóng bảo hiểm của người lao động: Mức lương đóng, hệ số đóng, doanh nghiệp đóng, người lao động phải đóng bảo hiểm.
- Cập nhật nhanh chóng theo các mẫu khai báo bảo hiểm của nhà nước
- Hỗ trợ in tờ khai BHXH cho người lao động.

Quy trình:

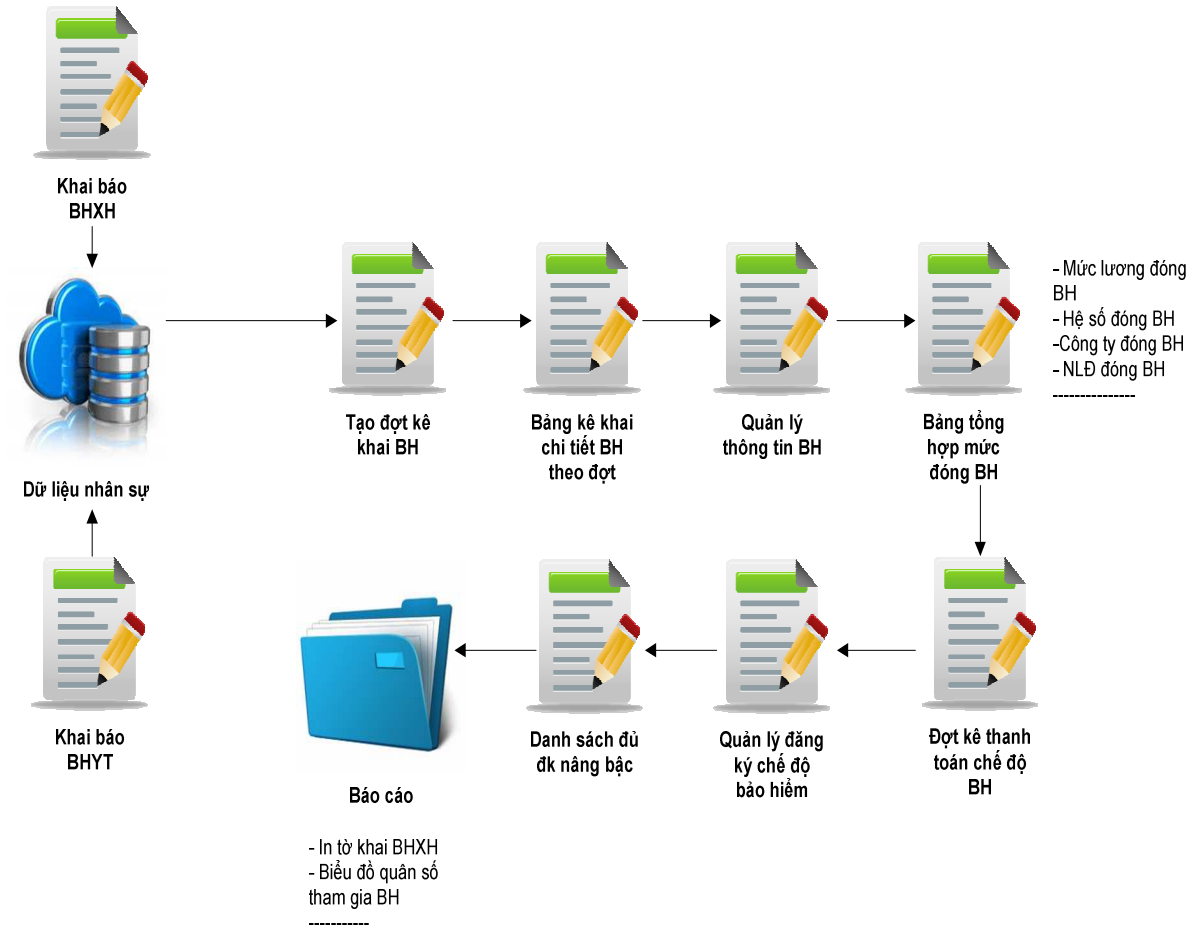

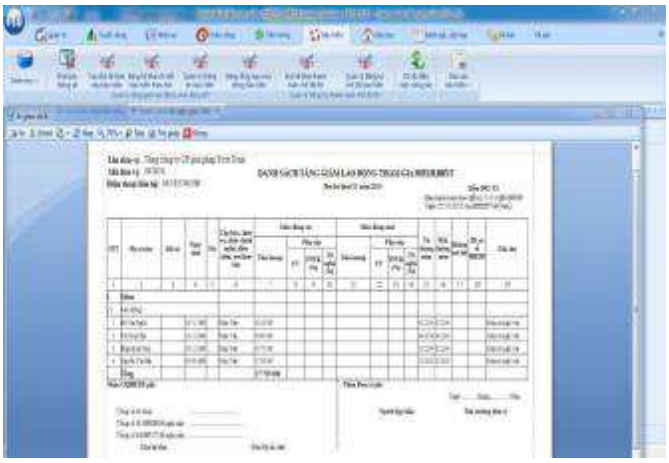

Màn hình danh sách tăng giảm bảo hiểm

- Hệ thống báo cáo: Báo cáo danh sách điều chỉnh lao động và mức đóng bảo hiểm, báo cáo bảo hiểm theo mẫu 2a, 3a. …..

Chức năng của phân hệ:

- Cập nhật thay đổi thông tin danh mục phòng khám chữa bệnh.
- Cập nhật thông tin phát sinh tăng bảo hiểm theo mẫu của BHXH
- Cập nhật thông tin phát sinh giảm bảo hiểm theo mẫu của BHXH
- Cập nhật thông tin điều chỉnh: nâng lương, nâng bậc.
- In tờ khai cho người lao động tham gia BHXH
- Thông tin truy thu tăng, giảm tiền đóng bảo hiểm được chuyển qua dữ liệu lương trong tháng

QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Tổng quan :

- Giúp quản lý toàn bộ quá trình đào tạo từ khâu lập kế hoạch, diễn biến, kết quả, chi phí…từ quản lý các đợt đào tạo cơ bản đến đào tạo nâng cao.
- Là công cụ đắc lực hỗ trợ nhà quản lý sàng lọc và đưa ra các quyết định lựa chọn những thành viên ưu tú trong doanh nghiệp đề bạt thăng chức.
- Phần mềm giúp lưu vết và theo dõi toàn bộ quá trình đào tạo tại doanh nghiệp gắn với từng nhân viên.

Quy trình:

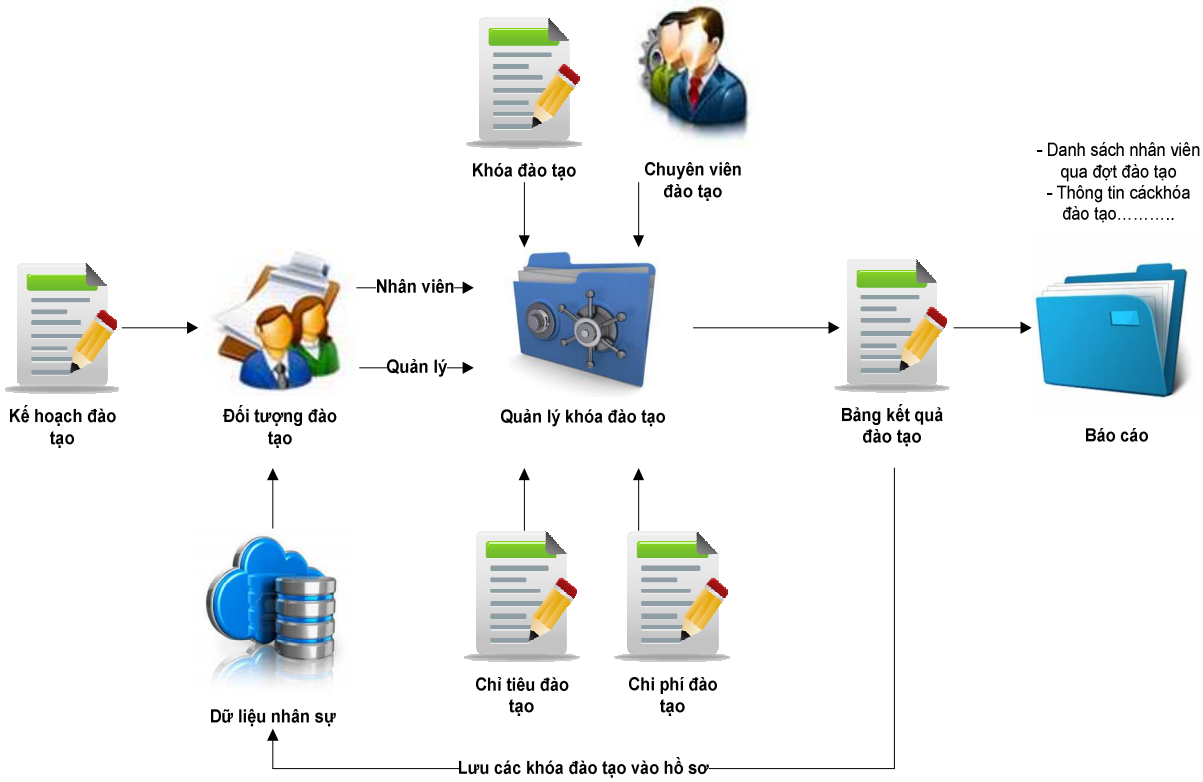

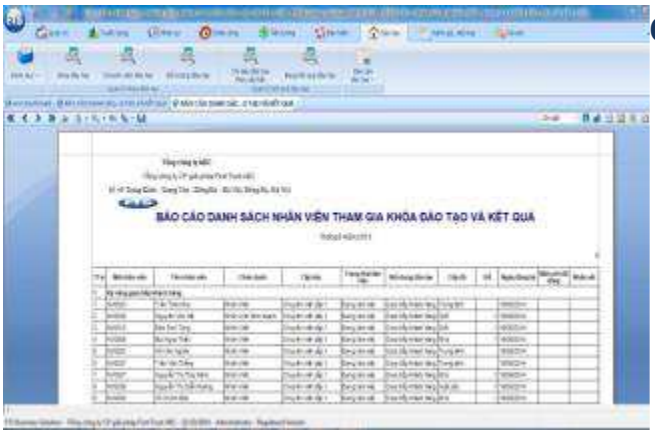

Màn hình báo cáo đào đạo

- Lưu vết và theo dõi toàn bộ quá trình đào tạo tại doanh nghiệp gắn với từng người lao động.
- Cho phép nhận dữ liệu tự động từ phân hệ quản lý nhân sự, tuyển dụng, đánh giá.
- Hệ thống báo cáo….

Chức năng của phân hệ:

- Quản lý lập kế hoạch đào tạo: Chức năng khai báo các khóa đào tạo hàng năm theo từng bộ phận, chức vụ, chuyên ngành. Định nghĩa khóa đào tạo theo trạng thái: Bắt buộc & tự nguyện.
- Quản lý các khóa đào tạo: Chức năng liệt kê các khóa đào tạo cho phép NSD có thể tra cứu và lựa chọn đăng ký các khóa đào tạo phù hợp với mình. Công cụ tìm kiếm nhân viên phù hợp theo từng khóa đào tạo.
- Quản lý chi phí từng khóa đào tạo: chi tiết theo từng nhân viên. Giúp cho nhà quản lý nhân sự tự hoạch định kế hoạch đào tạo, chi phí, nội dung và quản lý kết quả đến các đối tượng quan tâm.
- Cập nhật kết quả đào tạo- đánh giá sau từng khóa đào tạo.

QUẢN LÝ ĐÁNH GIÁ

Tổng quan:

- Nâng cao hiệu quả làm việc của nhân viên: Nhân viên biết được kết quả/hiệu quả lao động của mình và nhà quản lý xác định được các điểm cần cải tiến, bổ sung, quy hoạch nhân sự.
- Giúp lãnh đạo có cái nhìn bao quát: Đánh giá được năng lực làm việc của nhân viên, làm cơ sở trả lương, trả thưởng cho nhân viên; đánh giá chất lượng nguồn nhân lực cho doanh nghiệp, sàng lọc nhân viên yếu kém, phát hiện nhân tài, làm cơ sở cho việc hoạch định chiến lược, kế hoạch kinh doanh, chính sách quản trị nguồn nhân lực.
- Theo dõi sự tiến bộ của người lao động: thông qua các kỳ đánh giá, đánh giá được sự cải tiến và chất lượng, năng suất lao động, theo dõi được quá trình thăng tiến của người lao động.

Quy trình:

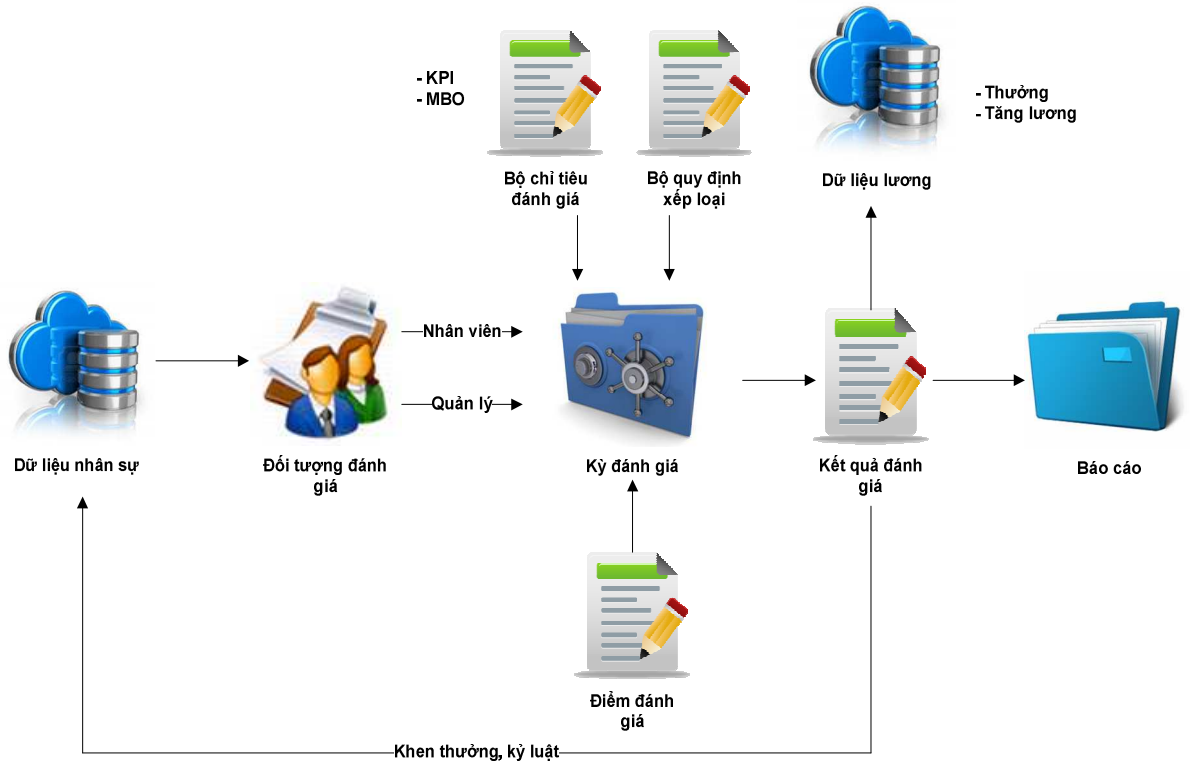

Chức năng của phân hệ:

- Quản lý bộ chỉ tiêu đánh giá: Cho phép đánh giá nhân viên theo 2 chỉ tiêu :

Đánh giá theo KPI: Cho phép khai báo chỉ tiêu cả năm, khai báo các nhóm chỉ tiêu, danh mục chỉ tiêu đánh giá theo tháng. Kết quả được tự động link sang bảng lương để thực hiện tính lương.

Đánh giá hiệu quả công việc: Cho phép khai báo cách thức đánh giá, xếp loại nhân viên theo thang điểm, khai báo danh mục các kỳ, các loại đánh giá. Cho phép khai báo đánh giá nhân viên từ nhiều nguồn: Nhân viên tự đánh giá, người quản lý đánh giá..

- Quản lý theo dõi đánh giá theo đợt
- Quản lý tổng hợp đánh giá và xếp loại
- Quản lý đánh giá nhân viên
- Báo cáo và thống kê

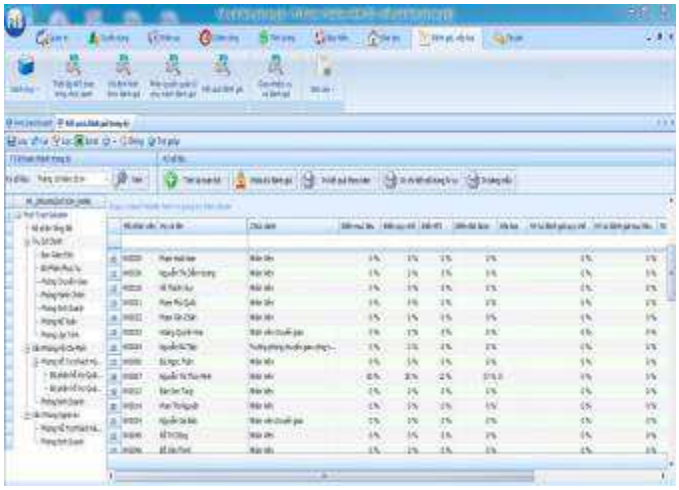

Màn hình kết quả đánh giá nhân viên trong kỳ

QUẢN LÝ TÀI SẢN

Tổng quan:

- Cho phép quản lý thông tin tài sản theo từng đơn vị, bộ phận sử dụng trong một tổ chức có theo mô hình phân cấp.
- Cho phép quản lý toàn bộ quy trình tăng tài sản, biến động tài sản như điều chuyển, sửa chữa, bảo hành, thanh lý, quy trình kiểm kê, quy trình đánh giá lại sản nguyên giá tài sản. Cho phép kết xuất ra các mẫu in biên bản tương ứng theo từng bước cụ thể trong các quy trình nghiệp vụ, các báo cáo tổng hợp theo quy định của bộ tài sản. Bên cạnh đó cũng cho phép người dùng tự định nghĩa ra các mẫu biểu kết xuất báo cáo.
- Khả năng quản lý và khai thác thông tin tài sản của các đơn vị, tổ chức lớn với số lượng tài sản lên đến hàng chục triệu tài sản.

Quy trình:

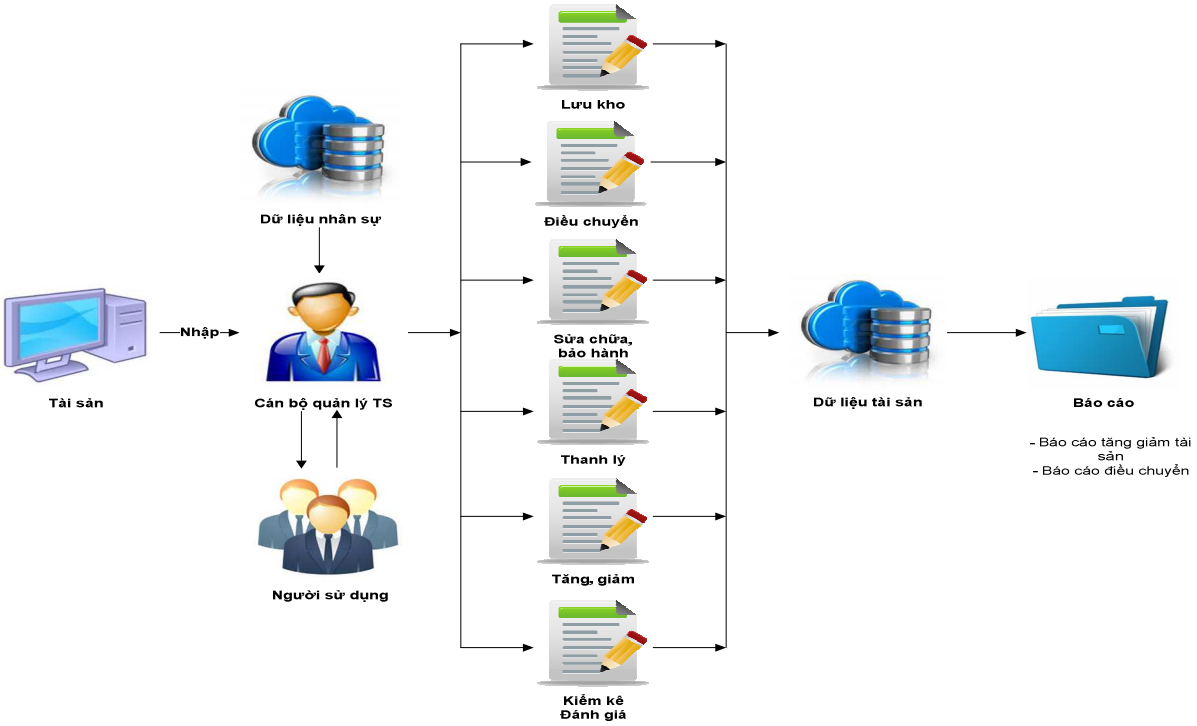

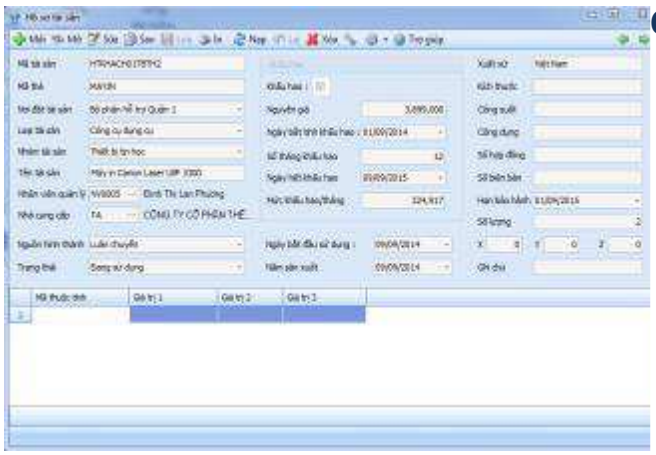

Màn hình khai báo tài sản

- Chức năng tổng hợp báo cáo cho phép tổng hợp các báo cáo tài sản theo các biểu mẫu do Bộ tài chính và đơn vị quy định.
- Chức năng báo cáo động cho phép người dùng tự định nghĩa các biểu mẫu báo cáo theo nhu cầu, tổng hợp dữ liệu tài sản và in ra báo cáo theo biểu mẫu đã định nghĩa.
- Chức năng tìm kiếm nâng cao, cho phép tùy biến các điều kiện tìm kiếm thông tin tài sản, phục vụ các nhu cầu tìm kiếm, kết xuất báo cáo theo nhiều tiêu trí khác nhau.

Chức năng của phân hệ:

- Quản lý người danh sách người dùng một cách chi tiết đến từng phòng ban/ đơn vị.
- Quản lý quy trình tăng tài sản theo các hình thức khác nhau.
    - Tăng theo dự án mua sắm, đầu tư xây dựng, tự xây dựng.
    - Tăng do nhận điều chuyển, biếu tặng, trao đổi, góp vốn và tăng do các hình thức khác.
- Quản lý tài sản sử dụng mã, cho phép tra cứu và kiểm kê tài sản một cách nhanh chóng, chính xác.
- Quản lý các quy trình biến động tài sản:
    - Quy trình điều chuyển.
    - Quy trình sửa chữa.
    - Quy trình bảo hành.
    - Quy trình thanh lý tài sản.
    - Quy trình giảm tài sản theo các hình thức khác.
    - Quy trình xuất/nhập kho.
    - Quy trình đánh giá lại nguyên giá tài sản.

CỔNG THÔNG TIN NHÂN VIÊN

Tổng quan:

- Cổng thông tin nhân viên là mô hình giao diện web dành cho nhân viên, các cấp lãnh đạo trong toàn công ty có thể quản lý nhân sự và thao tác trực tiếp trên phần mềm thông quan mạng internet.
- Là công cụ hỗ trợ đắc lực cho người làm nhân sự có thể quản lý điều hành nhân sự mọi lúc và mọi nơi trong môi trường internet.
- Là cầu nối giữa các thành viên của một tổ chức, giữa nhân viên và lãnh đạo có thể tương tác trực tiếp, khai thác hiệu quả cống hiến và tính hiệp đồng trên mọi phương diện.

Chức năng:

- Cho phép mỗi nhân viên: Theo dõi hồ sơ, thông tin cá nhân của mình (Tên, tuổi, chức vụ, vị trí công tác, diễn biến hợp đồng, diễn biến lương, theo dõi chấm công, tiền lương của từng tháng;
- Cho phép nhân viên thực hiện yêu cầu chỉnh sửa thông tin cá nhân qua chế độ Yêu cầu / Phê duyệt;
- Đăng ký tuyển dụng online nội bộ công ty;
- Đăng ký chế độ nghỉ online;
- Đăng ký các lớp học, khóa đào tạo online;
- Đăng ký chỉ tiêu đánh giá (KPI) online;
- Tự đánh giá online;

DỊCH VỤ HỖ TRỢ KHÁCH HÀNG

Chúng tôi hiểu rằng chỉ có phần mềm tốt là chưa đủ, vì vậy bên cạnh hệ thống phần mềm FTS còn chuẩn bị đội ngũ chuyên viên chuyên nghiệp có nghiệp vụ, nhiệt tình, năng động sẵn sàng tư vấn cho khách hàng để việc áp dụng phần mềm có hiệu quả tốt nhất.

Khách hàng khi đã mua phần mềm của FTS sẽ được cung cấp những dịch vụ như sau:

Khảo sát và tư vấn: Một số nội dung cơ bản bao gồm:

- Quy trình hạch toán, mua/bán hàng hóa, nhân sự...
- Lưu lượng và chuyển chứng từ giữa các bộ phận.
- Các nghiệp vụ, công việc cụ thể của các bộ phận.
- Các yêu cầu quản lý riêng.
- Tư vấn và đưa ra các giải pháp về công nghệ, quy trình hạch toán, yêu cầu quản trị, ...
- Cùng khách hàng lập kế hoạch sửa đổi, triển khai.

Hiệu chỉnh, cài đặt phần mềm: Nội dung cơ bản gồm:

- Trao đổi với khách hàng thời gian sửa phần mềm.
- Tiến hành hiệu chỉnh, sửa đổi phần mềm
- Kiểm tra tính đúng đắn, chính xác của các sửa đổi.
- Cài đặt chương trình.

Đào tạo sử dụng: Nội dung cơ bản bao gồm:

- Hướng dẫn sơ bộ cách sử dụng phần mềm.
- Xây dựng danh mục: tài khoản, chứng từ, khách hàng… Cũng như cách cập nhật số tồn, dư đầu.
- Hướng dẫn cập nhật chứng từ.
- Kiểm tra tính đúng đắn của việc nhập chứng từ.

- Quá trình đào tạo được chi tiết theo cuốn quy trình triển khai. Cuốn quy trình này sẽ là cơ sở cho việc triển khai phần mềm một cách khoa học.

Hỗ trợ: Sau quá trình đào tạo FTS còn cung cấp dịch vụ hỗ trợ trong vòng **3 tháng** về ứng dụng nghiệp vụ và thao tác sử dụng phần mềm.

Bảo hành /bảo trì: Phần mềm được bảo hành với thời gian **12 Tháng**. Thời gian này khách hàng được trợ giúp để vận hành phần mềm một cách hiệu quả.

Sau khi kết thúc thời gian bảo hành, nếu khách hàng có nhu cầu bảo trì phần mềm thì hai bên sẽ tiến hành ký hợp đồng bảo trì theo thỏa thuận.

Sau khi nghiệm thu thanh lý hợp đồng, chúng tôi sẽ cung cấp cho khách hàng 01 đĩa CD cài đặt sản phẩm và tài liệu hướng dẫn sử dụng ở dạng bản mềm.

- Hướng dẫn lên báo cáo và cách thức lấy số liệu từ phần mềm.
- Hướng dẫn sao lưu và bảo mật dữ liệu.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty cổ phần giải pháp Frist Trust – FTS

Trụ sở chính: Phòng 1006, Tòa nhà Ford Thăng Long, số 105 Đường Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Tel: +84 (4) 3748 0398 | **Fax:** +84 (4) 3748 0399

Văn phòng TP Hồ Chí Minh: Lầu 5, VTC Building, 132 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: +84 (8) 6273 8834

Đại lý phân phối sản phẩm tại Nghệ An: **Công ty cổ phần INSoft -** Số 3, Trần Hưng Nhượng, P Hưng Phúc, Tp Vinh, Nghệ An.

Email: *info@fts.com.vn* Website: *www.fts.com.vn*